

Thái Kim Định sưu tầm - biên soạn



CHUYỆN KỂ về **BÁC HỒ**



Nhà xuất bản Nghệ An



Chuyện kể
về **BÁC HỒ**

TẬP 1
THÁI KIM ĐỈNH
(Sưu tầm và biên soạn)

NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Hưởng ứng cuộc vận động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Công sản Việt Nam “Sống, làm việc theo tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, Nhà xuất bản Nghệ An cho tái bản bộ sách “Chuyện kể về Bác Hồ”.

Nhà nghiên cứu Thái Kim Đình và một số tác giả khác đã sưu tầm những câu chuyện kể về Chủ tịch Hồ Chí Minh bắt đầu từ khi Người ra đi tìm đường cứu nước cho đến tận thời điểm Người ra đi đến với “Mác, Lênin thế giới người hiền” (chữ dùng của Tố Hữu). Mỗi câu chuyện kể là một nét khắc họa chân dung vị lãnh tụ vừa vĩ đại thanh cao vừa dung dị gần gũi “là Cha là Bác là Anh - (Tố Hữu)” thân thương của dân tộc Việt Nam. Thông qua những hồi ức, những kỉ niệm của những người đã từng có thời gian cùng làm việc hoặc được gặp gỡ Bác, chúng ta càng hiểu sâu thêm, càng kính trọng hơn một nhân cách lớn của dân tộc và của thời đại.

Các câu chuyện không chỉ thể hiện tình cảm yêu mến của nhân dân ta dành cho vị lãnh tụ dân tộc mà trong đó còn chứa đựng những bài học lớn về Con Người với chữ viết hoa và tư tưởng Hồ Chí Minh.



những phác hoạ quy tụ để tạo nên vóc dáng của Người Anh Hùng Dân Tộc và Danh Nhân Văn Hoá.

Tuy nhiên, dù rất cố gắng, các tác giả vẫn không thể vẽ nên một chân dung Hồ Chí Minh trọn vẹn, Nhà xuất bản mong bạn đọc xa gần góp ý bổ sung, nhất là những tư liệu mới, để cuốn sách viết về Bác Hồ kính yêu ngày càng thêm phong phú hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc bộ sách này.

NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN



Ba tiếng Hồ Chí Minh
đã trở thành như một truyền thuyết
PHRÊDRIC EBE (Đức)

Con người mảnh khảnh
Với chòm râu dài từ trong rừng bước ra,
gậy cầm tay,
Áo vắt vai, không phải ai khác
Mà chính là cụ Hồ Chí Minh truyền thuyết.
U. BOCSÉT (Úc)



RA ĐI

Một buổi sáng đầu tháng 6-1911, khi Nguyễn Tất Thành bước lên chiếc tàu Pháp “Đô đốc Latusơ Torêvin” (Latouche Tréville) đậu ở bến cảng Nhà Rồng, Sài Gòn, thì gặp một thủy thủ tên là Mai.

Mai thấy Thành dáng học trò liền bảo là không có việc gì cho anh đâu. Nhưng khi Thành quay đi, Mai ái ngại, nói:

- Anh theo tôi. Tôi sẽ dẫn anh đến gặp chủ tàu. Có thể ông ta sẽ có việc cho anh làm.

... Chủ tàu hỏi:

- Anh có thể làm việc gì?

- Tôi có thể làm bất cứ việc gì! - Thành đáp...

- Được. Tôi sẽ lấy anh làm phụ bếp. Sáng mai, anh đến nhận việc.

Thế là từ 3-6-1911, Nguyễn Tất Thành mang tên mới Văn Ba, “đem hai bàn tay” của mình kiếm tiền để sống và để... đi tìm chân lý.

Cùng đi trên chuyến tàu ấy, có kỹ sư Bùi Quang Chiêu, một người giàu có trong “Làng Tây”, có tiếng



tầm, thế lực. Ông ta đưa con trai sang du học ở Pháp. Ông đã từng nghe nói cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy có người con trai là Nguyễn Tất Thành. Nhưng chẳng rõ ông có nhận ra người thanh niên học sinh làm phụ bếp trên tàu là ai không, mà một hôm trông thấy anh, ông liền gọi lại, thân mật bảo:

- Tại sao con lại làm cái nghề khó nhọc này? Bỏ nghề này đi, con nên chọn một nghề danh giá hơn.

Anh Ba lễ phép cảm ơn ông ta nhưng không tỏ thái độ đồng ý hay phản đối...^(*)

(Theo *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* của TRẦN DÂN TIÊN)

* Về sau, người con trai của ông Chiêu cùng đi Pháp chuyến ấy, một hôm đến toà soạn báo *Le Paria* đặt 5 phorăng lên bàn rồi chạy nhanh ra cửa như sợ bị theo dõi.

Và lúc Hồ Chủ tịch về hoạt động ở Xiêm, có người hỏi: "Ông Bùi Quang Chiêu là người như thế nào?", thì Người đáp: "Phong kiến!"



KHÔNG PHẢI TẠI TRỜI

Tháng 1-1917, chiếc tàu Li-giê (Liger) vừa ở Áchentina về tới bến Đaka (nay là thủ đô Xê-nê-gan) thì anh Dị nhận ra tàu Sác-bông II (Charbon II) của Công ty than (Compagnie Charbonnière), nơi anh Ba làm việc, đang ở trong cảng. Anh em bên tàu Ligiê bèn mời anh Ba sang chơi.

Nghe tiếng anh Ba từ lâu, nay được gặp, anh em thủy thủ rất mừng. Mọi người ngồi giữa sàn tàu, nhường chiếc ghế đệm duy nhất cho anh Ba. Anh liền ngồi xuống sàn, đẩy chiếc ghế mời anh Đồn là người nhiều tuổi nhất. Giữa lúc ấy, một thủy thủ rót nước, luýnh quýnh đánh rơi cái nắp ấm, làm nước đổ xuống khay. Anh ta bèn văng tục làm cho ai cũng bật cười. Còn anh Ba thì vỗ vai anh bạn trẻ, nhẹ nhàng nói:

- Cái ấm nó có nghe được như người đâu mà chú em chửi tục, và tại chú em làm vụng, chứ cái ấm đâu có lỗi. Không nên nói tục, chửi tục. Mình nặng lời thì mình lại nghe, bạn mình phải nghe. Chúng ta đã sống khổ cực, lại còn gây thêm cực làm gì!



... Anh em cùng uống nước, chuyện trò vui vẻ. Anh Ba hỏi tên họ, quê quán từng người, rồi giới thiệu vài nét về mình. Anh nói:

- Anh em mình đang thời trai trẻ, có dịp đi đây đi đó, nên làm theo lời ông cha dạy: “Đi một ngày đàng học một sàng khôn”. Cái nghề thủy thủ này tha hồ đi xa, đến tận những miền xa lạ nhất, nhưng thiếu cái tấm lòng, cái bền chí thì cũng khó mà lượm lặt được điều hay, điều tốt. Ví như ,hững ngày lưu lại Đaka này, chúng mình đừng nên đánh cò đánh bạc, mà đi xem thắng cảnh Mũi Xanh, đi ra đảo Gô-rê, nơi bọn tư bản châu Âu nhốt người nô lệ để đem đi bán... Hoặc đi vào phố xá... Lại phải biết chữ để đọc sách báo, viết thư. . Dù sao chúng mình cũng được “chu du thiên hạ” mà lại không biết chữ thì còn ra làm sao nữa!

Sau buổi gặp gỡ ấy, anh Ba thuê ca-nô tổ chức cho anh em thủy thủ ra thăm đảo Gô-rê.

Vừa bước lên đảo, anh Ba rơm rớm nước mắt, nói:

- Giữa nơi đẹp như tranh thế mà lại có chuồng nhốt người của bọn chủ vàng!

Anh vào đồn trình giấy. Thấy anh thạo tiếng Pháp và hiểu biết rộng, viên quan ba rất nể, liền cho lính hướng dẫn đi xem đảo.

Anh em vào một dãy nhà hai tầng, trên là nơi ở của bọn lái buôn nô lệ, dưới là nơi nhốt người da đen



bị bắt để đem bán. Nhìn những chiếc cọc sắt chôn xuống sàn để xích chân nô lệ, ai nấy cùng thở dài. Có người thốt lên:

- Ông trời đối xử với con người không công bằng.

Mắt như rục lửa, anh Ba bảo:

- Không phải ông trời mà giữa người với người chưa có công bằng.

(Theo lời kể của cụ ĐÀO TRINH NHẤT,
SƠN TÙNG ghi)

ANH BA VỚI VUA HỀ SÁCLO

Anh Ba làm việc trên tàu biển Pháp, đã từng qua nhiều cảng lớn châu Âu, châu Phi, châu Mỹ...

Một lần, tình cờ anh được biết Sácli Saplin - Vua hề điện ảnh Sáclô - cùng đi trên tàu. Anh liền gửi cho ông một bức thư tay, đề nghị ông cùng chụp ảnh chung với anh, hoặc tặng anh một tấm ảnh nào đó của ông, để làm kỷ niệm.

Saplin lập tức chấp thuận yêu cầu của người thủy thủ trẻ tuổi châu Á. Ông xuống tận bếp tàu tìm anh, cùng ăn trưa, và sau đó chụp ảnh chung.

Về sau, khi anh Ba đã trở thành nhà chính trị Nguyễn Ái Quốc, và Saplin tiếng tăm lừng lẫy, hai người còn gặp nhau nhiều lần.

Bà Giêrandina Saplin, con gái nhà nghệ sĩ lớn cho biết: Có thể hai người đã gặp nhau trong chuyến đi vòng quanh châu Âu thành công nổi tiếng của Saplin năm 1923, và lại gặp nhau ở châu Âu vào những năm ba mươi.

Năm 1946, trong thời gian Hồ Chủ tịch sang Pháp, thì Saplin cũng đang ở đây để làm bộ phim



“Ông Vécđu”. Vào những năm năm mươi, sau những cuộc bị Chính phủ Mỹ săn đuổi, Saplin rời Mỹ sang ở Thụy Sĩ. Trong khoảng thời gian đó, Hồ Chí Minh và Saplin lại có thể gặp nhau nhiều lần.

Saplin thường kể cho các con nghe về những cuộc gặp gỡ này, và tỏ ra thật sự sung sướng khi nhớ lại Hồ Chí Minh, người mà ông rất yêu quý.

Có thể từ khi còn là thủy thủ, Hồ Chủ tịch đã tiếp xúc và say mê nghệ thuật của Saplin. Một chi tiết thú vị: Trong cuốn sách viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh của mình, nhà báo Pháp Giác Lacutya có đưa ra một nhận xét về cụ Hồ: “Bằng dáng đi, bằng thân hình mảnh dẻ, và bằng chiếc mũ đội che sụp xuống tận trán...” rất giống các nhân vật mà Saplin đóng trong phim ảnh.

(Theo lời kể của G.SAPLIN,
báo *Ở nước ngoài* - Liên Xô, số 38, 9-1985)



NGUYỄN TẤT THÀNH VỚI "VUA ĐẦU BẾP" ETXCÔPHIE

Anh Thành đến nước Anh cuối 1913 với ý định là để học tiếng Anh. Nhưng việc trước tiên lại là phải kiếm sống.

Lúc đầu, anh phải nhận cào tuyết ở một trường trung học. Công việc quá cực nhọc. Cuối ngày, ông hiệu trưởng trả cho anh 6 đồng Xteclinh, và nói: "Chính thế. Việc này quá sức anh". Thành lại xin việc đốt lò. Và việc này cũng vất vả quá mức chịu đựng.

Khi dành được chút ít, đủ trả tiền ăn, tiền thuê phòng, tiền sáu bài học tiếng Anh, còn thừa 6 hào rưỡi, anh đi tìm việc khác.

Anh nhận vào làm phụ bếp ở khách sạn Drayton Cốc ít lâu, rồi đến làm phụ bếp ở khách sạn Cáctơn.

Cáctơn là khách sạn lớn trên đường phố Hâymakét. Hàng trăm người Anh, Đức, Nga và người châu Á, lại có Nam, đồng hương của Thành, làm bếp ở đây dưới sự điều khiển của "vua đầu bếp" người Pháp Etxcôphie.

Tài nấu bếp của Etxcôphie đã được cả châu Âu biết đến, và ông đã được tặng Huân chương danh dự. Lần vua Đức sang thăm Luân Đôn, vua Anh mời ông

giúp làm tiệc với số lương rất hậu. Nhưng Etxcôphie từ chối, đáp: “Tôi là người Pháp. Tôi không nấu cho kẻ thù của dân tộc tôi ăn”.

Anh Thành được giao việc dọn cất ở bàn ăn. Bát đĩa phải để riêng cho người đem đi rửa, còn thức ăn thừa thì đổ vào thùng. Có khi thấy chỗ thừa còn cả một phần tư con gà hay những miếng bíp-téc to, anh giữ sạch sẽ và đưa lại cho nhà bếp. Ông già Etxcôphie chú ý, ngạc nhiên hỏi:

- Tại sao anh không quăng thức ăn thừa vào thùng?

- Không nên vứt đi. Ông có thể cho người nghèo những thứ ấy.

Ông già có vẻ bằng lòng, cười, bảo:

- Anh bạn trẻ của tôi ơi! Tạm thời anh hãy gác ý nghĩ cách mạng của anh lại một bên, tôi sẽ dạy cho anh cách làm bếp, làm ngon, và anh sẽ được nhiều tiền. Anh bằng lòng chứ?

Thế rồi Etxcôphie không để cho anh Thành dọn đĩa bát nữa, mà đưa anh vào chỗ làm bánh để học nghề. “Vua đầu bếp” đã tận tâm dạy người học trò An Nam cách làm các thứ bánh, kể cả món bánh kem vani nhân đào sở trường của ông.

Đây là một việc lớn xảy ra trong nhà bếp, vì là lần đầu tiên ông “vua bếp” làm như vậy.

(Theo *Thời thanh niên của Bác Hồ*)

- Báo *Nhân dân*, 5-1975 của HỒNG HÀ
và TRẦN DÂN TIÊN, Sdd)



LỜI TIÊN TRI CỦA VIÊN MẬT THẨM

Sau khi cho nổ “quả bom chính trị” - Bản yêu sách của dân An Nam gửi Hội nghị quốc tế Véc-xay - Nguyễn Ái Quốc cho in truyền đơn để phân phát ở Pháp và gửi về Đông Dương. Ông Nguyễn lại tổ chức nhiều cuộc hội họp giữa Pari để giới thiệu rộng rãi bản yêu sách. Ông mời được cả giáo sư Ô-la ở trường Đại học Xoóc-bon đến chủ tọa một buổi nói chuyện của nhà diễn thuyết nổi tiếng của Hội Nhân quyền Pháp là giáo sư Phêlixien Salây⁽¹⁾ ủng hộ nguyện vọng của nhân dân Đông Dương.

Viên mật thám Ác-nu⁽²⁾ chuyên theo dõi người An Nam tại Pháp (sau này là chánh mật thám Pháp ở Đông Dương), đã đến dự cuộc họp này.

Ác-nu chú ý đến một thanh niên người mảnh khảnh, trán cao, cử chỉ nhanh nhẹn, đang phát truyền đơn gần cửa ra vào. Tay chỉ điểm báo cáo cho Ác-nu biết người thanh niên ấy là Nguyễn Ái Quốc

(1) Sách của Jean Lacouture (nhà báo, nhà văn Pháp) chép là Pélicien Challaye, còn Hồng Hà (Bdđ) lại chép là Anbert Chellaye.

(2) J. Lacouture chép là Paul Amoux còn E. Cabélep (Liên Xô) chép là Louis Amoux.

mà Ác-nu đã từng nghe tên. Ác-nu tìm cách làm quen với Nguyễn; và suốt trong hai năm 1919, 1920, nhà cách mạng và viên mật thám còn gặp nhau nhiều lần tại một hiệu cà phê nhỏ gần nhà hát Ôpêra.

Ác-nu thường nhắc lại với lời lẽ khâm phục kỷ niệm về người thanh niên hăng hái, sôi nổi và thiết tha yêu nước ấy. Có lần anh ta đã nói với Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp Anbe Xarô (Albert Saraut):

- Ngài nên tìm hiểu người thanh niên ấy.

Và Ác-nu thường thốt ra với bạn đồng sự của anh ta ở Bộ Thuộc địa:

- Thừa các ngài, các ngài hãy tin rằng chính người thanh niên mãnh khảnh và đầy sức sống này có thể là người đặt cây thập tự cáo chung lên nền thống trị của chúng ta ở Đông Dương!

Lịch sử đã chứng minh lời "tiên tri" của Ác-nu là đúng.

(Theo *Hồ Chí Minh* của Y. LACOUTURE
và *Đồng chí Hồ Chí Minh* của E. CABÉLÉP)



CÁI MÀ TÔI CẦN NHẤT TRÊN ĐỜI...

Một buổi trưa đi làm về, bà già giữ nhà cho cụ Phan Văn Trường - nơi ông Nguyễn ở nhờ - trao cho ông một bức thư. Từ trước, ông chưa hề nhận được thư gửi theo địa chỉ này. Thì ra, đây là “giấy mời” của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp.

Vài hôm sau, Nguyễn Ái Quốc đến Bộ Thuộc địa, phố U-đi-nô (Oudinot), Pari. Trong phòng khách đã có nhiều người Pháp tai to mặt lớn. Nhưng ông Nguyễn không phải chờ. Vừa đến, ông đã được ông già mang xiềng bạc - người truyền đạt ở cơ quan - mời vào ngay.

Trong gian phòng rộng, trưng bày đầy những đồ vật quý, quan Thượng thư Anbe Xarô (Albert Saraut) đầu hói như quả bưởi, mang kính trắng một mắt, ngồi chễm chệ bên cái bàn rộng, trên chất đầy giấy tờ. Thấy ông Nguyễn, ông ta đứng dậy bắt tay và mời ngồi, có vẻ lễ độ lắm.

Nhưng rồi, Xarô nhìn ông Nguyễn chăm chăm, tay vẽ vẽ lên bàn, miệng nói như phun ra lửa.

- Hiện nay, có những kẻ nông cuồng hoạt động



ở Pháp. Họ liên lạc với bọn Bôn-sê-vích ở Nga. Từ Nga, họ liên lạc với Quảng Đông. Và từ Quảng Đông, họ liên lạc với Đông Dương. Chính phủ Pháp biết rõ những dây liên lạc đó. Họ âm mưu phá rối trật tự trị an ở Đông Dương, và chống đối lại Nhà nước bảo hộ. Nước mẹ Đại Pháp rất khoan hồng, nhưng sẽ không tha thứ những kẻ gây rối loạn. Nước mẹ Đại Pháp đủ sức để bẻ gãy họ như thế này...

Mặt hầm hầm, Xarô nắm hai tay làm điệu bộ bẻ một vật cứng rắn.

Ông Nguyễn cười mỉm làm cho quan Thượng thư Bộ Thuộc địa càng bức bối. Khi ông ta dứt lời, ông Nguyễn liền hỏi:

- Ngài nói xong rồi chứ?

Là một nhà chính trị cáo già, Xarô liền đổi sắc mặt, đổi giọng, nói một cách ôn tồn:

- Tôi rất thích những thanh niên có chí khí như ông. Có chí khí là tốt, nhưng còn phải thức thời, mới ngoan. À này, khi nào ông có cần gì, tôi luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ ông. Từ nay, chúng ta đã quen biết nhau, ông không nên khách sáo.

Ông Nguyễn liền đáp:

- Xin cảm ơn ngài. Cái mà tôi cần nhất trên đời là đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập. Kính ngài ở lại, tôi xin phép về.

(Theo Vừa đi đường vừa kể chuyện
của T. LAN)



NĂM TRĂM CẢNH SÁT KHÔNG BẮT NỔI

Đại hội lần thứ hai của Đảng Cộng sản Pháp họp vào tháng 12-1921 tại hội trường Bô-vi, đường Sác-tờ-rờ, thành phố Mác-xây. Nguyễn Ái Quốc đến dự với tư cách là đại biểu của Ban nghiên cứu thuộc địa thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tại đại hội, ông Nguyễn sẽ trình bày bản dự thảo Nghị quyết về vấn đề “Chủ nghĩa Cộng sản và các thuộc địa”.

Sở Cảnh sát Mác-xây quyết định bắt Nguyễn Ái Quốc phía ngoài hội trường đại hội. Chánh sở Ti-lôm vạch kế hoạch tỉ mỉ, và cho năm trăm nhân viên rải dọc các đường phố bao vây khu vực đại hội.

Các đại biểu đến dự đại hội bằng xe điện. Ông Nguyễn khéo léo trà trộn trong đoàn người, làm cho cảnh sát không nhận ra mình. Đến khi ông bước vào sân hội trường thì bị chúng phát hiện và xông đến. Ông nhanh nhẹn chạy tọt vào phòng họp là nơi chúng không dám gây sự. Đám cảnh sát hậm hực đứng chờ ngoài cửa.

Ông Nguyễn đang hoảng dự đại hội. Ông được



bầu vào đoàn chủ tịch, và đọc tham luận lên án chủ nghĩa thực dân Pháp, nêu lên nhiệm vụ của Đảng Cộng sản Pháp đối với các dân tộc thuộc địa...

Tan phiên họp, một số lớn đại biểu gồm cả các đảng viên là ủy viên hội đồng thành phố, và cả ông nghị sĩ quốc hội Ôrôlây đi kèm, quây ông Nguyễn vào giữa, đưa ông về nhà trọ an toàn. Bọn cảnh sát đứng nhìn, tức tối...

Ngày hôm sau, nhiều báo ở Pari có bài phản đối hành động thô bạo của cảnh sát Mác-xây. Lê-ô Pôn- létx viết trên tờ *Báo của nhân dân*:

“Giai cấp công nhân Pháp không tha thứ những việc xấu xa như thế, và sẽ nhất trí đứng lên phản đối kịch liệt, nếu bất chấp pháp luật, cảnh sát bắt Nguyễn Ái Quốc ở Mác-xây... muốn buộc chúng ta im tiếng thì không phải bắt riêng một đại biểu An Nam, mà phải bắt giam toàn thể đại biểu dự đại hội, và toàn bộ đảng viên Đảng Cộng sản!”

(Theo HỒNG HÀ, Bđd)



ANH CHÀNG "PHÉC-ĐI-NĂNG"

Ở Pari, Nguyễn Ái Quốc quen biết nhiều nhà trí thức và nhà cách mạng nổi tiếng. Có người là bạn thân thiết như Pôn Vayăng Cutuyariê (Paul Vaillant Couturier). Chính Pôn là người giới thiệu Nguyễn vào Đảng Xã hội Pháp. Khoá đảng viên năm 1914-1918 mà Nguyễn gia nhập đã đưa tổng số lên 11.970 người, mà lịch sử Đảng Xã hội Pháp ghi là "thế hệ lửa đạn". Nguyễn cũng có nhiều bạn gái thân thiết như Rô-dờ, thợ khâu, người làm thư ký tốc ký ở đại hội Tua, sau khi nghe Nguyễn nói vì sao mình bỏ phiếu cho Đệ tam Quốc tế, đã khen: "Đồng chí đã tiến bộ"; như văn sĩ Pôlét, như Maria Lêôni (sau này là vợ P. Tôgliati, tổng Bí thư Đảng Cộng sản Ý)... Họ thường rủ Nguyễn đi dự các buổi hội họp, nói chuyện về chính trị, và giúp cho Nguyễn hiểu thêm nhiều vấn đề mới mẻ.

Một hôm, Nguyễn cùng Pôn và Maria ở hội trường Muychuyalitê (Mutualité) ra về, ba người đi trên đường phố khuya vắng, chỉ còn tiếng vó ngựa chậm rãi, kéo xe chở hàng đến chợ Han-lơ... Bỗng Maria bảo Pôn:



- Nguyễn đúng là Phéc-đi-năng.

Pôn và cả Nguyễn ngạc nhiên không rõ vì sao chị lại nói thế. Maria liền giải thích rằng chị có một thắc mắc: chị vừa mới đọc một cuốn tiểu thuyết trinh thám nói về một người châu Á bị cảnh sát lùng bắt ráo riết. Anh ta liền cải trang thành một người châu Âu với tên là Phéc-đi-năng, giống đến nỗi anh ta hoạt động ngay trước mặt, cảnh sát cũng chịu, không sao phát hiện ra được. Chị bị câu chuyện ám ảnh mãi: Không hiểu anh Nguyễn có phải chính là anh chàng Phéc-đi-năng không?

Pôn cười, bảo :

- Cô muốn yên tâm thì cứ gọi Nguyễn là Phéc-đi-năng để khỏi thắc mắc nữa.

Từ đó, Maria gọi Nguyễn là “Phéc-đi-năng”.

(Theo Bác Hồ ở Pháp)



NGUYỄN ÁI QUỐC VỚI NHÀ VĂN NHẬT BẢN KYÔSI KÔMATSU

Vào một buổi tối trong năm 1920, đến dự cuộc mít tinh ủng hộ Xáccô (Sacco) và Vandétti (Vanzetti) tại phòng Oagòram (Wagram) ở Pari, nhà văn Nhật Bản Kyôsi Kômatsur bỗng thấy một người trẻ tuổi ngồi bên cạnh vỗ lên vai mình và hỏi:

- Anh là người Tàu hay người An Nam?

- Không, tôi là người Nhật. - Kômatsur đáp và tự giới thiệu mình là nhà văn, vừa đến Pháp.

Sau khi Macxen Casanh (Marcel Cachin), lãnh Đảng Cộng sản Pháp, kết thúc bài diễn văn, người trẻ tuổi - chính là Nguyễn Ái Quốc và Kômatsur rủ nhau đi uống cà phê ở một tiệm gần đó. Nguyễn nói với người bạn mới quen biết về nỗi đau khổ của đất nước mình với một giọng sôi nổi, có sức lôi cuốn, thuyết phục kỳ lạ.

Từ ấy, hai người trở nên thân thiết, thường gặp nhau luôn, và nhiều lần dắt tay nhau đi trên đường phố Pari, bàn luận về tương lai châu Á.

Vào khoảng tháng 11-1923, trong một lần gặp gỡ, Nguyễn bảo Kômatsur:



- Anh cùng sang Mạc-tu-khoa với tôi đi. Sắp tới tôi sẽ được biết xứ sở của Cách mạng.

Nhưng nhà văn Nhật Bản kể lại rằng: Ông ta đã từ chối và trả lời ông Nguyễn.

- Tôi thích nghệ thuật và văn học. Đối với tôi thì đời sống Pari thích hợp hơn.

(Theo J. LACOUTURE, Sdd,

TUẤN LAN trích dịch

- Báo *Đại đoàn kết*, 8-5-1985)

NGUYỄN ÁI QUỐC VỚI NHÀ VĂN PHÁP HĂNGRI BACBUYTXƠ

Với văn hào Nga Lép Tônxtôi, Nguyễn Ái Quốc tự nhận mình là người học trò nhỏ của ông. Cách viết của Tônxtôi giản dị, rõ ràng, dễ hiểu làm cho ông Nguyễn rất thích, và đã gợi ý cho ông viết một thiên phóng sự về công nhân Pari. Bài văn được đăng lên báo *Nhân đạo*. Toà soạn trả cho ông Nguyễn 50 phorăng nhuận bút. Với số tiền đó, ông Nguyễn có thể sống 25 ngày không cần làm việc, có thể dùng thời gian ấy để đọc sách. Và thành công đầu tiên ấy đã khuyến khích ông Nguyễn viết những bài sau.

Với Hăngri Bacbuytxơ (Henri Barbusse) thì “gần gũi” hơn. Nguyễn Ái Quốc đã “gặp” Bacbuytxơ một cách ngẫu nhiên trên những trang báo đăng tiểu thuyết *Lửa* của nhà văn.

Nhà văn Pháp này không dạy ông Nguyễn viết văn như nhà văn Nga, mà dạy ông làm cách mạng. Ông Nguyễn thuộc lòng đoạn văn cuối cùng của cuốn tiểu thuyết *Lửa*:

... Những con người từ nhân dân mà ra sẽ chứng kiến cuộc cách mạng mà họ chưa biết. Cuộc cách



mạng ấy ưu việt hơn tất cả các cuộc cách mạng trước đó. Chính họ là nguồn gốc của các cuộc cách mạng ấy; hai tiếng “Bình đẳng” đang dâng lên cổ họ, và họ cứ nhắc đi nhắc lại: “Bình đẳng”.

Từ ấy, ông Nguyễn đã tìm đến, làm quen với Bacbuytxơ. Khi thành lập tờ *Le Paria*, ông Nguyễn đã đề nghị Bacbuytxơ đỡ đầu cho báo. Lúc này, Bacbuytxơ là người lãnh đạo Hội Ánh sáng - Hội các nhà văn tiến bộ thế giới thành lập theo sáng kiến của ông, gồm nhiều nhà hoạt động văn hoá nổi tiếng như Anatôn Phorăngxơ, Bocna Sô, Éptôn Xincôle, Ravindranát Tago v.v... Bacbuytxơ đã nhiệt liệt hưởng ứng đề nghị của ông Nguyễn, lại còn nhường cho toà soạn báo *Le Paria* một phòng trong căn nhà của Ban thư ký Hội Ánh sáng.

Chính Bacbuytxơ từ Pari, đã lên tiếng phản đối mạnh mẽ cuộc khủng bố của thực dân Pháp đối với nhân dân Đông Dương trong những năm 1930-1933.

Năm 1935, ông Nguyễn ở Liên Xô, được cử làm đại biểu tư vấn tại Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ bảy. Trong dịp này, nhà văn Hăngri Bacbuytxơ cũng vừa sang thăm Liên Xô ít lâu, và mất vì bệnh tim phổi ở đây.

Thi hài Bacbuytxơ quản tại Viện Âm nhạc Mátxcova. Ông Nguyễn đã đến viếng và dự lễ tiễn đưa thi hài nhà văn về Pari bằng đường xe lửa.

(Theo CABÊLÉP và HỒNG HÀ, Sdd)

CHUYÊN GIA THUỘC ĐỊA

Khi Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản giao Manuinxki chuẩn bị bản báo cáo chính trị về dân tộc và thuộc địa, ông liền nhớ đến Nguyễn Ái Quốc, và đề nghị Đảng Cộng sản Pháp cử ông Nguyễn sang Mátxcova làm việc tại Quốc tế Cộng sản.

Manuinxki đã từng gặp ông Nguyễn tại đại hội Đảng Cộng sản Pháp lần thứ ba ở Pari (10-1922). Sau khi nghe ông Nguyễn đọc một bài diễn văn ngắn về vấn đề thuộc địa, Manuinxki rất thích. Hai người làm quen với nhau. Với ông Nguyễn thì Manuinxki là người Nga đầu tiên ông được gặp và là người tạo điều kiện cho ông được đến nước Nga cách mạng, quê hương Lênin mà ông mơ ước.

Nguyễn Ái Quốc là người dân thuộc địa duy nhất ở cơ quan Quốc tế Cộng sản, và là người nghiên cứu kỹ càng, sâu sắc tình hình các nước thuộc địa, nửa thuộc địa, nhất là ở châu Á, Bắc Phi, và các vấn đề thuộc địa.

Từ những năm 1919, 1920, ông Nguyễn đã viết nhiều về các thuộc địa. Đến Nga, ông viết cho tờ *Đời sống công nhân* (ở Pari) một bài về trường Đại



học phương Đông: "... Những người Bôn-sê-vích không vừa lòng với việc đọc những bài diễn văn rỗng tuếch và viết ra những nghị quyết nhân đạo đối với các dân tộc bị áp bức, mà phải dạy cho họ biết cách đấu tranh". Những bài báo, bài nghiên cứu về thuộc địa của ông Nguyễn đã đưa ông lên hàng nhà báo cỡ quốc tế.

Lúc này, nhiều người trong các Đảng Cộng sản châu Âu còn chịu ảnh hưởng về một lập luận của Rôđa Lucxambua là "độc lập chính trị của các thuộc địa phụ thuộc vào cách mạng xã hội chủ nghĩa ở chính quốc". Ông Nguyễn đấu tranh kiên quyết chống lại thuyết sai lầm ấy bằng các bài báo, bằng diễn đàn các đại hội và nhất là bằng tổ chức hành động. Có lần, vài người nói với ông:

- Chỉ sau khi cách mạng Pháp và cách mạng Trung Quốc thành công, thì cách mạng Việt Nam mới có hy vọng thắng lợi.

Ông Nguyễn không tranh luận, chỉ cười đáp:

- Chúng ta hãy chờ xem!

Nguyễn Ái Quốc không chỉ là nhà tuyên truyền, mà còn là nhà tổ chức giàu kinh nghiệm. Ông đã từng là thành viên Ban Thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp, là người tham gia sáng lập và lãnh đạo Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa ở Pháp (7-1921), tham gia tổ chức cách mạng ở nhiều nước châu Á, và sáng lập Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á châu



(1925)... Báo chí Liên Xô coi ông Nguyễn là chuyên gia có uy tín về vấn đề thuộc địa.

Nhiều nhà lãnh đạo Quốc tế Cộng sản rất coi trọng những hiểu biết về các vấn đề thuộc địa và tán thành quan điểm của ông về cách mạng ở các thuộc địa. Người ta đánh giá ông rất cao. Đôm-ban, người Hà Lan, uỷ viên Đoàn chủ tịch Quốc tế nông dân đã nói với ông Nguyễn sau đại hội của Quốc tế:

- Anh đúng là một chuyên gia về vấn đề thuộc địa và nửa thuộc địa. Thật có ý nghĩa lớn khi đại hội bầu anh là người đại biểu duy nhất của các nước thuộc địa và nửa thuộc địa tham gia Đoàn chủ tịch chứ không phải ai khác.

(Theo *Bác Hồ trên đất nước Lenin*
của HỒNG HÀ)

LẠI LỊCH MỘT BỨC CHÂN DUNG

Năm 1959, Hồ Chủ tịch sang thăm nước Cộng hoà Ác-mê-ni, tới xem phong cảnh hồ Xê-van trên đỉnh núi cao 2000 mét, và dự cuộc gặp gỡ các văn nghệ sĩ Xô-viết, một hoạ sĩ có nói lại với cán bộ ta cùng đi với Bác rằng “ông ta lấy làm thích thú đã may mắn được xem một bức vẽ chân dung Bác Hồ năm 1924...”.

Nhưng mãi sáu năm sau, tạp chí *Nghệ thuật tạo hình* phát hành tại Béc-lin (Đức), số tháng 12-1965 mới đăng tám ảnh chụp bức chân dung lịch sử ấy. Phía dưới chân dung, bên phải, có ba hàng chữ Hán “Nguyễn Ái Quốc - Nhất thiên cửu bách trấp tứ niên, cửu nguyệt thập cửu nhật”, phía trái có ba dòng chữ La tinh “19-9-1924 - Nguyen Ai Quak, và tên ký “Eric Giôhanxon”⁽¹⁾.

Hoạ sĩ E. Giôhanxon, tác giả bức chân dung, là người Thụy Điển, ở Đức lâu năm.

Bên cạnh bức ảnh, tạp chí đăng bài viết của hoạ sĩ về cuộc triển lãm tổng hợp nghệ thuật Đức tại

(1) Báo *Văn nghệ* số 369, ngày 14-5-1971, đã in lại bức chân dung lịch sử này ở trang nhất.



Matxcova năm 1924, trưng bày 501 tác phẩm hội hoạ và điêu khắc.

Nguyễn Ái Quốc thường đến xem triển lãm, gặp E.Giôhaxơn và hai người quen thân nhau.

Hoạ sĩ kể lại trong bài báo: "... Người biết thông thạo ngôn ngữ của những nước lớn ở châu Âu, và khi thảo luận, Người có cách nói rất sinh động. Người am hiểu những trào lưu nghệ thuật Tây Âu, và mỉm cười để lộ ra rằng ở Pari, Người cũng có vẽ chút ít. Người nói một cách rất tinh tế về những tác phẩm mà Người đã xem và trước hết về những nghệ sĩ đã mạnh dạn phơi trần sự thật xã hội và kêu gọi đấu tranh. Người coi nghệ thuật trừu tượng không có tác dụng đối với việc đấu tranh giai cấp. Người bàn luận về những vấn đề nghệ thuật của châu Âu một cách có suy xét đầy đủ, chính xác và thận trọng, và Người nhấn mạnh rằng: "Mỗi dân tộc cần phải chăm lo đến đặc tính của dân tộc mình trong nghệ thuật".

Trong cuộc triển lãm nghệ thuật năm 1924 ấy, hoạ sĩ E.Giôhaxơn đã vẽ bức chân dung của Nguyễn Ái Quốc nói trên đây.

(Theo VŨ NĂNG AN - Báo Văn nghệ)



THÀU CHÍN HỌC BỐC THUỐC

Năm 1929, Nguyễn Ái Quốc hoạt động trong Việt kiều ở Xiêm (Thái Lan) và mang tên mới Thầu Chín⁽¹⁾.

Khi lương y Đặng Văn Cáp được tổ chức điều động về huyện Xacon phụ trách hiệu thuốc Bắc thì Thầu Chín cũng đến ở chung với ông.

Một hôm, mấy kiêu bào khiêng đến hiệu thuốc một thanh niên bị thổ huyết. Thầy Cáp tìm hết cách, nhưng vẫn không cầm máu được. Thầu Chín nhìn người bệnh, nổi lo lắng hiện lên nét mặt, gặng hỏi:

- Có cách gì nữa không? Thử cố gắng một lần nữa xem.

Thầy Cáp bỗng sực nhớ đến chiếc tê giác, liền đi lục tìm, mài cho bệnh nhân uống. Thầu Chín lặng lẽ theo dõi cho đến lúc anh ta không thổ ra máu nữa. Thầu giúp thầy Cáp khiêng anh vào nhà trong. Hôm sau, hai người cùng dậy sớm, thay quần áo cho bệnh nhân và mang đi giặt.

Từ sau lần ấy, Thầu Chín bắt đầu học thuốc.

(1) Có người nói rằng: Thầu Chín có nghĩa là ông cụ Chín chẵn(?).



Thầu Chín đọc sách thuốc, ghi chép rất cẩn thận, chỗ nào chưa rõ thì hỏi, nhờ thầy Cáp giảng giải lại thật tỉ mỉ, cặn kẽ. Không bao lâu, Thầu đã hiểu kỹ, nắm vững những điều cơ bản cần thiết về thuốc men và cách chữa bệnh. Những ghi chép của Thầu có phân loại thuốc một cách khoa học giúp ích cho thầy về phương pháp nghiên cứu Đông y.

Phát hiện ra cây hy thiêm mọc hoang trong vùng này rất nhiều, Thầu Chín đã thu hái về nấu thành cao dùng chữa bệnh tê thấp cho mình.

Nhiều lúc thầy Cáp đi vắng, có người bệnh đến, Thầu Chín tự tay bốc thuốc, chữa khỏi bệnh cho nhiều người.

Về sau, hồi hoạt động ở Cao Bằng, thấy nhiều cháu nhỏ ở trong vùng bị ghẻ lở, chốc đầu, Bác Hồ đã tìm cây thuốc chữa cho các cháu. Bà con dân bản rất quý mến, gọi Bác là “ông ké có thuốc tiên”.

(Theo Hồi ký của ĐẶNG VĂN CÁP
và một số tài liệu khác)

CÁ CỦA ANH CÓ ĐÁNH DẤU GÌ?

Ngay từ ngày đầu tiên đến đất Xiêm, Thầu Chín đã trút bỏ âu phục và đi chân đất. Đôi chân quen đi giày từ bao năm, nay đi trên đường sỏi đá, da dưới bàn phồng rộp lên, đau nhức. Nhưng Thầu Chín vẫn tập cho quen dần.

Thầu Chín tham gia mọi việc với bà con Việt kiều: gánh nước, đi củi, gặt hái... Việc gì chưa làm quen, Thầu kiên nhẫn tập cho thành thạo. Thầu còn đi xe đạp, cưỡi ngựa để rèn luyện thân thể.

Thầu Chín tự mình làm, lại còn khuyên bảo, kèm cặp người khác cùng làm. Có thời gian, Thầu Chín cùng anh em đi bắt cá để “cải thiện”.

Trong nhóm có một anh chàng đã lười lại không thật thà, cá bắt được ít hơn mọi người nhưng anh ta lại to miệng kể công, khoe tài: Nào là mình giỏi bắt cá, nào là anh ta bắt được nhiều nhất... Mọi người đều tỏ ra bức bối. Riêng Thầu Chín thì vẫn thản nhiên, đối xử với anh ta thân mật như trước...

Hôm sau, Thầu Chín và anh kia cùng bỏ cá chung vào một giỏ. Quả là giỏ của hai người nhiều cá hơn các giỏ khác. Tối về, anh ta càng rộng mồm khoe mẽ.



Thầu Chín mỉm cười, hỏi:

- Thế cá của anh có đánh dấu gì ?

Anh kia ngó ra một lúc, rồi đáp:

- Không.

Thầu Chín lại cười, cầm giỏ cá trút vào rổ, bảo:

- Cá của tôi không có đuôi. Thử đếm xem ai bắt được nhiều.

Mọi người cùng ồ lên, ủa tới đếm, còn anh chàng kia thì mặt đỏ như, vì hầu hết cá trong giỏ đều cụt đuôi. Thì ra, bắt được con cá nào. Thầu Chín đều cắt đuôi... để “lấy thực tế” uốn nắn tâm tính của anh bạn trẻ.

(Theo Hồi ký của ĐẶNG VĂN CẤP)

ĐI XEM CỘNG SẢN

Lúc Tống Văn Sơ - một bí danh của ông Nguyễn lúc hoạt động ở Trung Quốc - bị chính quyền Anh ở Hương Cảng bắt giam tại nhà ngục Victoria⁽¹⁾ nhiều ông bà người Anh tò mò mà dắt nhau vào xem để biết “mặt mũi lạ lùng” của người cộng sản ra làm sao.

Ông Tống đau, được đưa vào nhà thương và bị canh phòng cẩn mật. Nhưng những nhân viên người Anh, người Hoa cũng tìm mọi cách đến xem cho kỳ được. Có điều, người Anh thì sẵn sàng, còn người Hoa thì kín đáo.

Một hôm, cô y tá người Hoa hàng ngày chăm sóc ông Tống, nhân khi xung quanh không có ai, bèn thủ thi hỏi ông:

- Chú này, cộng sản là như thế nào? Chú làm cộng sản làm gì để bị bắt bớ khổ thân?

Cô ta biết cộng sản không phải là trộm cướp, buôn lậu, giết người, thế thì cộng sản làm gì mà lại bị bắt giam? Điều đó cô ta không hiểu nổi. Ông Tống ôn tồn nói:

(1) Nhà tù lấy tên một nữ hoàng Anh (1899-1901).

- Nói tóm tắt, cộng sản muốn làm cho ai cũng sung sướng và bình đẳng, không ai bóc lột, đè nén ai. Ví dụ: Cộng sản muốn làm cho chị em cô không phải mang cổ xanh suốt đời, và suốt đời không bị người cổ đỏ sai khiến. (Cổ áo đỏ là y tá trưởng người Anh, cổ áo xanh là những nữ y tá người Hoa).

Cô y tá gương to cặp mắt, nhìn ông Tống, thốt lên:

- Thế à?

Trong thời gian này, bà vợ luật sư Lôđơbai⁽¹⁾ cũng thường vào thăm ông Tống. Một hôm, bà đi mua sen đưa vào biếu ông thì gặp một bà bạn. Đó là nữ văn sĩ Xtenla Benxon, người khá nổi tiếng ở Hương Cảng và là bà vợ viên Phó Thống đốc Xauton. Nghe nói về người tù cộng sản Tống Văn Sơ, bà ta yêu cầu bà Lôđơbai cho cùng vào thăm. Lúc trở về, bà ta làm toáng lên với ông chồng vì việc bỏ tù một người ngoại quốc có văn hoá cao đến thế. Bà buộc chồng phải đi cùng mình vào thăm ông Tống. Sau buổi gặp Tống Văn Sơ, Xauton còn kính phục ông hơn cả bà vợ.

(Theo T. LAN, Sđd và một số tài liệu khác)

(1) Xem bài "Án nhân của cụ Hồ".

TÔI LÀ SU TỬ, CÒN ANH LÀ RỒNG

Trong nhà ngục Victoria ở Hương Cảng có đủ hạng người. Tống Văn Sơ cư xử tốt với tất cả và cũng được mọi người kính trọng, quý mến. Lúc không đọc sách, ông chuyện trò thân mật, tìm hiểu tính cách, đời sống của họ.

Ông Tống chú ý đến một tướng cướp già, họ Lý, bị bắt vì bị bạn phản bội, tố giác. Ông già Lý khoảng 60 tuổi, hoà nhã, mưu trí và gan góc, lại giỏi chữ nghĩa, biết làm thơ. Ông làm chúa một dãy núi, có gia đình. Ông cầm đầu một đội quân nhỏ, chuyên chặn khách qua đường bắt nộp tiền “mai lộ”. Ông thực hiện chặt chẽ cái “luật rừng” do ông đặt ra. Khách qua đường bị bắt, phải viết thư về nhà đem tiền đến chuộc. Nếu quá hạn quy định, người bị bắt phải viết bức thư thứ hai bằng máu của mình. Nếu gia đình còn chậm trễ thì sẽ nhận được bức thư thứ ba, thứ tư với một cái tai của nạn nhân. Lá thư thứ tư này không có hồi âm thì “giao kèo” bị xé, nghĩa là nạn nhân bị giết.

Lần ấy, ông già Lý bắt được một con mồi. Ít hôm sau, một cô gái tên là Bành Hương cầm lá thư của người bị bắt đến sơn trại. Với thái độ gan góc, cô nói:



- Thừa đại vương, tiền thì chúng tôi không có, vì nhà chúng tôi nghèo. Nhưng tôi đây, đại vương bán tôi đi, hoặc dùng làm nô lệ hay tì thiếp, hoặc đại vương giết tôi. Đại vương làm gì tôi thì làm, nhưng xin tha cho cha tôi.

Người tướng cướp già vô cùng xúc động. Ông hôn Bành Hương và nhận làm con nuôi, tha cho cha cô về. Già Lý cho Bành Hương đi học và dành cho cô một món tiền hồi môn lớn.

Không chỉ có việc ấy. Ông già Lý rất tàn ác với kẻ giàu, nhưng với người nghèo thì rất tử tế. Dân trong vùng ai cũng biết điều đó nên vừa sợ ông, lại vừa kính phục ông. Gặp người tù cách mạng Tống Văn Sơ, già Lý rất phục. Ông tự cho mình là anh hùng, và cũng coi người tù trẻ này là anh hùng. Ông nói với ông Tống:

- Tôi là một con sư tử rơi xuống hố, còn anh là một con rồng mắc cạn. Nhưng sư tử một ngày kia sẽ trở về làm chúa sơn lâm, còn rồng thì một ngày kia sẽ bay lên trời và làm chúa tể gió mây.

(Theo T. LAN, Sđd)

ÂN NHÂN CỦA BÁC HỒ

Một ngày tháng 6-1931, luật sư Lôđobai, giáo sư trường Đại học Luật Hoàng gia Anh, giám đốc công ty luật sư RUSS ở Hương Cảng - về muộn, bà vợ phải chờ cơm đang bực mình... Một người Việt Nam - Hồ Tùng Mậu - đang chờ đợi, vội đứng dậy chào hỏi và nói:

- Thưa luật sư, mong luật sư cứu cho. Hiện nay có một người An Nam yêu nước bị nhà cầm quyền Anh bắt giam.

Luật sư Lôđobai hỏi cặn kẽ, được biết người An Nam ấy đóng vai một viên chức Trung Hoa, lấy tên là Tống Văn Sơ. Ông vội vã đến nhà giam...

Sau 20 phút trò chuyện, Lôđobai đã cảm phục Tống Văn Sơ.

- Tôi sẽ ra sức cãi hộ cho ông được trắng án, hay ít ra cũng giảm nhẹ.

Ông Tống nói rằng mình không có tiền để trả phí tổn cho công ty, thì Lôđobai liền bảo:

- Tôi biết ông là một lãnh tụ cách mạng Việt Nam. Tôi cãi hộ ông là vì danh dự, chứ không nhất thiết chỉ vì tiền. Một đồng nghiệp của tôi trước đây đã



dò ra và thủ tiêu ông Tống, ông bà Lôđơbai bèn tìm cách đưa ông ra khỏi Hương Cảng. Kế hoạch rất táo bạo. Luật sư Lôđơbai mời ông Xautơn Phó tổng đốc Hương Cảng tham gia “màn kịch”, ông ta vui vẻ nhận lời.

... Xautơn xin phép được dùng chiếc thuyền máy của Thống đốc. Lôđơbai cho mua hai vé hạng nhất trên một chuyến tàu Nhật Bản từ Hương Cảng đi Thượng Hải. Ông Tống đóng vai một thân sĩ bạn của quan Thống đốc, luật sư Long đóng vai thư ký. Hai người không đến bến chính, vì sợ bị lộ, nên chia tay ông bà Lôđơbai ở bến Tây Hoàng, bước xuống thuyền máy. Chiếc tàu Nhật đang chạy ngoài khơi, nhận được điện phải dừng lại đón hai khách quý của Thống đốc.

Thuyền máy áp mạn vào tàu, “ông bạn của quan Thống đốc”, cảm ơn người lái và đội cận vệ, ung dung bước lên tàu. Viên thuyền trưởng đứng nghiêm chào. Vị khách lịch thiệp đáp lễ rồi bước vào buồng riêng...

... 25 năm sau, năm 1956, nhân có nhà báo cộng sản Anh sang Việt Nam, Hồ Chủ tịch gửi thư và hai tấm ảnh tặng ông bà Lôđơbai và người con gái, mời cả gia đình luật sư sang thăm Việt Nam. Nhưng đến năm 1960, ông bà Lôđơbai và người con gái mới sang thăm và ăn tết ở Việt Nam. Trong hai tuần ông bà là thượng khách của Bác Hồ.



Gia đình Lôđobai vẫn treo bức ảnh Tổng Văn Sơ ngày trước ở trong nhà. Lúc được tin Bác Hồ mất, (lúc này luật sư đã mất), bà Lôđobai cùng con gái và con rể, cùng 2000 chậu hoa đều đeo băng tang để tỏ lòng thương tiếc “chú Tổng”.

(Theo L. LAN, TRẦN DÂN TIÊN,
ĐOÀN MINH TUẤN, E. CABÊLÉP, Sdd)

dò ra và thủ tiêu ông Tống, ông bà Lôđobai bèn tìm cách đưa ông ra khỏi Hương Cảng. Kế hoạch rất táo bạo. Luật sư Lôđobai mời ông Xautơn Phó tổng đốc Hương Cảng tham gia “màn kịch”, ông ta vui vẻ nhận lời.

... Xautơn xin phép được dùng chiếc thuyền máy của Thống đốc. Lôđobai cho mua hai vé hạng nhất trên một chuyến tàu Nhật Bản từ Hương Cảng đi Thượng Hải. Ông Tống đóng vai một thân sĩ bạn của quan Thống đốc, luật sư Long đóng vai thư ký. Hai người không đến bến chính, vì sợ bị lộ, nên chia tay ông bà Lôđobai ở bến Tây Hoàng, bước xuống thuyền máy. Chiếc tàu Nhật đang chạy ngoài khơi, nhận được điện phải dừng lại đón hai khách quý của Thống đốc.

Thuyền máy áp mạn vào tàu, “ông bạn của quan Thống đốc”, cảm ơn người lái và đội cận vệ, ung dung bước lên tàu. Viên thuyền trưởng đứng nghiêm chào. Vị khách lịch thiệp đáp lễ rồi bước vào buồng riêng...

... 25 năm sau, năm 1956, nhân có nhà báo cộng sản Anh sang Việt Nam, Hồ Chủ tịch gửi thư và hai tấm ảnh tặng ông bà Lôđobai và người con gái, mời cả gia đình luật sư sang thăm Việt Nam. Nhưng đến năm 1960, ông bà Lôđobai và người con gái mới sang thăm và ăn tết ở Việt Nam. Trong hai tuần ông bà là thượng khách của Bác Hồ.



Gia đình Lôđobai vẫn treo bức ảnh Tổng Văn Sơ ngày trước ở trong nhà. Lúc được tin Bác Hồ mất, (lúc này luật sư đã mất), bà Lôđobai cùng con gái và con rể, cùng 2000 chậu hoa đều đeo băng tang để tỏ lòng thương tiếc “chú Tổng”.

(Theo L. LAN, TRẦN DÂN TIÊN,
ĐOÀN MINH TUẤN, E. CABÊLÉP, Sđd)

VỊ “THÂN SĨ” ĂN KHOAI

... Chiếc tàu Nhật Bản ghé Hạ Môn, Tổng Văn Sơ ung dung bước lên bến. Đây đã ở ngoài tầm với của luật pháp Anh và mật thám Pháp. Ít lâu sau, ông Tổng lên Thượng Hải. Bọn Quốc dân Đảng đang khủng bố gắt gao. Ông Tổng vẫn phải tiếp tục đóng vai “thân sĩ” giàu có, ở khách sạn lớn và ăn mặc sang trọng, nhưng tối tối lại khoá cửa buồng, ăn khoai trừ bữa, và tự giặt lấy quần áo.

Đang bí vì cạn túi, khó mà kéo dài cuộc sống “vương giả” ở Thượng Hải, thì được tin đoàn đại biểu hoà bình, trong đó có nhà văn cộng sản Pháp Vayăng Cutuyariê tới Trung Quốc. Ông Tổng bèn viết thư liên lạc. Ông thuê một chiếc xe thật sang, đến nhà bà Tổng Khánh Linh (vợ Tôn Dật Tiên) ở trong tô giới Pháp, bỏ vào thùng thư. Lúc trở về, thấy cảnh sát Pháp chặn các khu phố kiểm soát, người lái xe ngập ngừng. Ông Tổng bình thản bảo “cứ đi”. Cảnh sát thấy xe sang, không dám chặn lại. Hú vía!

Chiều tối hôm sau, ông Tổng gặp Cutuyariê

Trời! Anh Nguyễn! Anh vẫn sống đấy sao?



Người ta đã chôn cất ảnh lâu rồi kia mà! Rõ ràng là anh vẫn sống đấy, nếu tin vào trí tuệ của nhân dân Pháp.

Ông Tống ngạc nhiên, nhưng V. Cutuyariê đã nói cho biết tình hình thế giới và Đông Dương. Thì ra là thực dân Pháp tung tin Nguyễn Ái Quốc đã chết ở Hương Cảng.

Sau hôm ấy, ông Tống được bố trí lên một chiếc tàu Xô-viết đi Voladivôxtôc, trở về Matxcova.

(Theo LÊ TU LÀNH

- Báo Nhân dân, ngày 19-5-1976)

PHAN BỘI CHÂU VÀ NGUYỄN ÁI QUỐC

Lần ấy, vợ chồng Nguyễn Thê Truyền ở Pháp về, qua Huế ghé thăm Phan Bội Châu. Gặp Lê Dung (quê Hà Tĩnh, ở trong nhà cụ Phan), bà vợ nói với ông chồng: “Hơi giống Nguyễn Ái Quốc”. Cụ Phan liền bảo:

- Chỉ có dáng người hơi giống thôi, còn gương mặt thì không giống. Anh Quốc có đôi mắt sáng lắm.

Từ khi gặp ông Nguyễn ở Trung Quốc năm 1924, được ông Nguyễn góp ý, cụ Phan đã tán thành thay đổi đường lối và tổ chức cách mạng của mình. Chưa kịp làm gì thì cụ bị bắt (năm 1925). Nhưng suốt đời, cụ Phan luôn giữ mối thiện cảm và lòng tin cậy người thanh niên đồng hương ấy.

Ở Huế, Phan Bội Châu từng nói chuyện với nhiều người rằng “Nhìn lại đám thanh niên hoạt động trong nước hay ở ngoài nước, trong thâm tâm tôi chỉ hy vọng ở một người. Người đó là ông Nguyễn Ái Quốc. Nếu sau này có làm nên chuyện chẳng cũng chỉ có ông đó”; rằng “Ở Nam Đàn có một người tuổi trẻ hơn tôi nhiều, mà cái tuổi ấy mới là tuổi làm nên việc



lớn. Ông ta còn là người tài đức, sẽ không phụ lòng tín nhiệm của quốc dân đồng bào. Thật là hậu sinh khả uý”.

Có lần, ông Trần Lê Hữu, cùng quê Nam Đàn, vào Huế gặp cụ Phan. Đây là câu chuyện giữa hai người.

- Thưa cụ, chúng tôi không hiểu rồi nước ta có độc lập được không. Từ trước đến nay, anh hùng chí sĩ nổi lên, sớm muộn đều bị bắt, bị tù, bị giết. Cụ là niềm hy vọng lớn của quốc dân mà cũng bị giam lỏng ở đây như thế còn mong gì nữa.

- Ông không nên nghĩ thế. Đời hoạt động cách mệnh của tôi rốt cục là một thất bại lớn. Đó là bởi tôi tuy có lòng mà thật bất tài. Hiện nay đã có nhiều người khác giỏi hơn đứng ra đảm đương việc mà lớp chúng tôi không làm xong. Ông có nghe tiếng ông Nguyễn Ái Quốc không?

- Có báo đáng tin Nguyễn Ái Quốc đã bị bắt và chết ở Hương Cảng cách hai ba năm rồi mà!

- Không! Tôi chắc ông Quốc vẫn còn, mà ông ấy còn thì nước ta nhất định sẽ độc lập. Họ bắt tôi dễ chứ làm sao bắt được ông Quốc, mà có bắt cũng phải tha thôi, vì ông ấy giỏi, lại có nhiều vây cánh và bạn bè khắp thế giới.

- Thưa cụ, “Bù Đái thất thanh, Nam Đàn sinh thánh” chẳng là nói về cụ hay sao? Cụ còn thất bại nữa là!



- Kể cái nghề cử tử thì xưa kia tôi cũng có tiếng thật. Dân ta thường có thói trọng người văn học mà gán cho người ta tiếng nọ tiếng kia. Nhưng nếu Nam Đàn có thánh thật, thì chính là ông Nguyễn Ái Quốc, chứ không phải ai khác.

(Theo Hồi ký của ĐÀO DUY ANH,
TRINH XUÂN AN, QUANG ĐẠM,
NGUYỄN QUÝ HƯƠNG trong sách
Ông già bên Ngự, NXB Thuận Hoá)

LỜI NHẮN CỦA NGƯỜI CHA

Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy, sau khi bị cách chức Tri huyện Bình Khê (Bình Định), bị buộc không được trở về quê Nghệ An, phải vào Nam Bộ dạy học, cắt thuốc để kiếm sống.

Người con trai thứ hai của cụ, Nguyễn Tất Thành, tham gia phong trào chống thuế, cũng bị đuổi khỏi trường Quốc học Huế. Hơn một năm sau, Nguyễn Tất Thành vào Bình Định tìm cha nhưng không gặp, bèn đi thẳng vào Phan Thiết...

Từ đó hai cha con không bao giờ gặp nhau nữa.

Ở Nam Bộ, cụ Phó bảng Huy thường gần gũi đám thanh niên. Cụ đi lại với họ, được họ tôn kính, trêu mếu gọi bằng “bác”. Họ thường đến thăm viếng cụ để nghe những lời khuyên bảo. Đối với những thanh niên có chí khí, cụ rất mến.

Ông Lê Mạnh Trinh kể lại rằng có lần ông đến, cụ Huy hỏi:

- Mày đến đây làm gì?
- Thưa lâu ngày cháu đến thăm bác.
- Mày đến thăm tao, tao cũng thế này; chẳng đến thăm tao cũng thế này. Chúng mày đang tuổi



thanh niên phải học hành và làm việc. Đến thăm tao có ích gì?

Vào khoảng tháng 9-1920, đêm cuối cùng trước khi rời Sài Gòn, ông Trinh đến thăm cụ Phó bảng và nói chuyện mình sắp ra đi. Cụ tỏ ra vui vẻ, dắt ông đến một hàng bán chè của người Hoa kiều bên cạnh hiệu thuốc “Phúc Sinh Đường”. Ngồi xuống ghế, cụ bảo người bán chè cho hai bát, một bát có trứng gà, một bát không. Cụ nhất thiết bắt ông Trinh ăn bát chè có trứng. Ăn xong, cụ đứng dậy trả tiền rồi bước ra trước. Ông Trinh đi theo sau...

Cụ Phó bảng nói khẽ:

- Bác không có gì dặn cháu cả. Cháu ra đi cố gắng. Bác nghe nói Quốc (Nguyễn Ái Quốc) đang ở Quảng Châu, nếu cháu có gặp thì nói bác vẫn khỏe, đừng lo gì. Cứ cố gắng làm việc. Trung với nước tức là hiếu với bác.

(Theo Hồi ký của LÊ MẠNH TRINH)



CHIẾC MÁY CHỮ VÀ CHIẾC ĐỒNG HỒ

Trong các đồ dùng của Bác Hồ, có những thứ vật cổ, trong đó có chiếc máy chữ và chiếc đồng hồ thuộc loại “cao tuổi” nhất.

Hồi mặt trận bình dân lên cầm quyền ở Pháp, một số tờ báo của Đảng ta ra công khai ở Hà Nội. Toà soạn tờ báo tiếng Pháp *Nôtrờ Voạ* (Notre Voix - Tiếng nói của chúng ta) thường nhận được những bài báo đánh máy từ nước ngoài gửi về ký tên P.C. Lin. Các biên tập viên chuyển tay nhau đọc, rồi đưa đăng báo, xếp vào mục riêng, dưới một đề chung “những lá thư từ Trung Hoa”. Anh em ở toà báo đều đoán P.C. Lin là Nguyễn Ái Quốc, bèn bàn nhau mua một máy chữ gửi sang biếu.

Chiếc máy chữ ấy được Bác Hồ luôn luôn mang theo bên mình và dùng mãi đến sau này.

Chiếc đồng hồ quả quýt của Bác còn “thâm niên” hơn nhiều. Nó vốn là của một ông bạn người Indônêxia. Hồi ở Pari, ông ta là người có tay nghề thủ công giỏi, kiếm được nhiều tiền. Nhưng tính xuềnh xoàng, có đồng nào ông tiêu hết đồng ấy. Một hôm ông đến võ vai ông Nguyễn:



- Anh phải làm việc và đi lại nhiều mà chưa có đồng hồ. Anh hãy cầm chiếc đồng hồ này mà dùng và cho tôi mượn ít tiền. Bao giờ tôi đủ tiền và thấy cần, tôi sẽ chuộc lại.

Ông Nguyễn nghĩ rằng “mình có thể cho ông ta vay tiền, không cần giữ đồng hồ. Song, nếu vậy, rồi anh ta cũng bán cho người khác thôi. Thà mình cứ giữ đồng hồ, đưa cho anh ta số tiền ngang giá mua thì hơn”. Ý ông Nguyễn muốn “giữ cửa” cho ông bạn thân, và mong ông ta sẽ chuộc lại. Khi trao tiền, ông Nguyễn nói:

- Mong từ nay, anh luôn luôn có tiền đủ dùng.

Sau đó rất lâu, gặp lại ông bạn, Nguyễn hỏi:

- Anh khoẻ luôn chứ? Sao không lại chỗ tôi chơi?

Ông bạn Indônêxia rất vui và vồn vã khiến ông Nguyễn ngạc nhiên. Nghĩ là Nguyễn sẽ gợi lại việc chuộc chiếc đồng hồ, ông ta cười, bảo:

- Tôi đã nghe theo lời khuyên của anh, biết dành dụm nên đã sắm được chiếc đồng hồ mới, khá hơn. Mong chiếc đồng hồ kia vẫn còn tốt để anh dùng.

Lúc đó, ông Nguyễn mới chú ý: Ông bạn ăn mặc sang hơn, trên tay đeo chiếc đồng hồ sáng bóng, nên tin ông ta nói thật.

Từ đó, ông Nguyễn giữ chiếc đồng hồ quả quýt, kỷ vật của người bạn thân, và dùng đến cuối đời.

(Theo VÕ NGUYỄN GIÁP và TRẦN NGÔ CHÂU)



THU HAY LÀ Ở CHỖ VIẾT DỐT

Năm 1940, Tưởng Giới Thạch gấp rút chuẩn bị kế hoạch “Hoa quân nhập Việt”. Tại Tỉnh Tây (Quảng Tây), tướng Trương Phát Khuê giao cho Trương Bội Công tổ chức việc này.

Trương Bội Công tên thật là Nguyễn Văn Chiêu, thuộc lớp Đông Du, sau phản bội, làm mật vụ, được bọn Tưởng tin dùng, nhưng lại khoác áo nhà yêu nước, nhà cách mạng.

Lúc ấy có 43 thanh niên bị Pháp khủng bố phải chạy lánh sang Trung Quốc. Các cán bộ cách mạng Hoàng Sâm, Lê Quảng Ba, Quốc Văn, Bằng Giang bám theo để lãnh đạo họ. Trương Bội Công thu nhận nhóm thanh niên này hòng lợi dụng, dùng họ vào âm mưu của mình. Được tin, Bác liền cử các ông Võ Nguyên Giáp, Vũ Anh, Cao Hồng Lĩnh đi gặp anh em, tìm cách đưa họ thoát khỏi tay Trương Bội Công.

Bác cũng đang trên đường về nước, trú tại Tân Khu, cách Tỉnh Tây khoảng mười cây số. Được tin nhóm thanh niên nghe nói Quốc dân Đảng sẽ khủng bố, nên định chạy trốn. Bác liền cho gọi Lê Quảng Ba,



Hoàng Sâm đến, giải thích rằng lúc này Tưởng đang cần đến người Việt, nên không làm hại mình đâu mà sợ, và bảo vệ tổ chức cho anh em đi đường hoàng, nói là về nước vận động quần chúng. Khi đi lọt rồi, ta sẽ có thư cho Trương Phát Khuê, nói rõ lý do và phê phán Trương Bội Công. Như vậy, họ không thể cho mình là chạy trốn, và Trương Bội Công cũng mất điều kiện lợi dụng cách mạng...

Sau đó, Bác bảo một cán bộ giỏi tiếng Hoa thảo bức thư lấy lời của nhóm thanh niên Việt Nam gửi cho tướng Trương Phát Khuê như kế đã định.

Người cán bộ viết xong, đưa Bác duyệt. Bác sửa chữa một đôi chỗ rồi trả lại. Ông ta cầm xem thì ngạc nhiên thấy chỗ sửa, Bác vẫn giữ đúng ý cũ, không viết sai văn phạm, bèn nói với Bác điều mình thắc mắc. Bác cười, bảo:

- Chú chỉ biết viết thư là viết thư... Người Việt Nam ở vùng dân tộc viết chữ Trung Quốc thế nào mà đúng văn pháp được! Viết như vậy họ mới tin là chính thư của anh em viết chứ. Có thể nói cái thư này hay là ở chỗ viết dốt.

(Theo Hồi ký của VŨ ANH,
ĐẶNG VĂN CẤP và LÝ)



THẦY CÙNG CÁCH MẠNG

Khoảng tháng tư 1940, Bác Hồ về Côn Minh (Vân Nam) với tên mới “Cụ Trần”, trong vai một người đi tìm việc. “Cụ Trần” và ông Phùng Chí Kiên đi thăm một số cơ sở cách mạng của Việt kiều dọc đường xe lửa Côn Minh - Hồ Khẩu. Đến ga Chi Thôn, huyện Mông Tự, cụ được bố trí ở nhà anh Hoàng Quang Bình, một đảng viên cộng sản làm nghề cắt tóc.

Tại thị trấn rẻo cao này có hơn 500 người Việt, phần lớn là công nhân đường sắt. Trước đó chưa lâu, máy bay Nhật ném bom phá cầu sắt Pô Chai (Xi Xuyên) làm hàng trăm người chết và bị thương, trong đó có hai mươi người Việt. Kiều bào sửa soạn làm lễ cầu hồn cho những người bị nạn tại đền “Tam phủ công đồng”.

Nghe tiếng “Cụ Trần” tài lắm, cụ học rộng, đi khắp nhiều nước, hiểu biết mọi sự” nên khi cụ đến thăm các gia đình bị nạn, bà con khẩn khoản mời cụ và ông Phùng giúp làm lễ cầu hồn. Phùng Chí Kiên chưa biết xử trí ra sao, thì cụ Trần vui vẻ nhận lời.

... Vào một buổi tối, hai người đến đền Tam Phủ



giúp ông tự⁽¹⁾ Thành... “Cụ Trần” ngồi viết sớ, ông Phùng cắt giấy, ông Thành quét dọn bàn thờ... Cụ Trần sắp xếp nào lễ cúng Phật, lễ giải oan, chạy đàn...

... Buổi lễ bắt đầu, “Cụ Trần” nổi ba hồi trống lớn; ông Phùng tiếp ba hồi trống nhỏ. Không khí trang nghiêm. “Cụ Trần” dong dạc cất tiếng tụng niệm:

*“Nam vô Phật tổ Như Lai,
Chúng sinh nheo nhóc dưới trời Tây Phương.
Trăm tầng áp bức thảm thương,
Thân gầy như củi xác nhường thầy ma.
Đâu là phúc đẳng hà sa,
Đâu là cõi Phật, đâu là cánh tiên?...”*

Tiếp đến là lễ chạy đàn. “Cụ Trần” vừa tụng niệm, vừa khoan thai cất bước... Ông Phùng và ông tự Thành đánh trống theo sau, rồi tiếp đến người nhà nạn nhân nối thành dãy dài, lượn vòng trước bàn thờ. “Cụ Trần” đọc tiếp:

*“... Tiến lên tất cả đồng bào,
Đánh đổ giặc Nhật đã giết hại Kiều bào ta.
Ở Pô Chai! Pô Chai, Pô Chai!”*

Mọi người đều hô theo như một khẩu hiệu. Không khí trang nghiêm trước bàn thờ khói hương

(1) Người thủ từ.

nghi ngút bỗng thay đổi. Ai nấy hừng hực căm thù.
“Cụ Trần” lại đọc:

*“Quân cướp Nhật thật là tàn ác,
Vừa rồi đây oanh tạc Pô Chai.
Kiêu bào mấy chục mạng người,
Thây tan thịt nát quê người thảm thê.
Khóc than cũng khôn bề cứu sống,
Phải vùng lên như đấng Thiên vương.
Thù nhà nợ nước đôi đường,
Đã vì người chết càng thương giống nòi.
Đừng tin vào số mệnh trời,
Mà do quân Nhật giết người gây nên.
Hồn ơi, hồn có linh thiêng,
Hãy cùng người sống báo đền nước non.
Người còn thì nước phải còn...”*

Và cứ thế, “Cụ Trần” - Bác Hồ đọc những bài ca
ứng khẩu, kích động lòng yêu nước của đồng bào.

Buổi lễ cầu hồn biến thành một cuộc tuyên
truyền cách mạng công khai. Và “Cụ Trần” càng được
bà con trong thị trấn hết lời ca ngợi.

(Theo Hồi ký của LÊ TÙNG SƠN, Sđd)



KÝ GIẢ... KHÔNG BIẾT TIẾNG VIỆT

Từ Quế Lâm về Tĩnh Tây, Bác Hồ cùng một số cán bộ qua Liễu Châu, gặp mấy anh em từ Côn Minh xuống đang chờ...

Nhờ có giấy tờ hợp pháp do chính quyền Tưởng cấp, lấy danh nghĩa “Hoa Nam công tác đoàn”, lại được ông Lý Tế Thâm tặng 500 đồng làm lộ phí, cả đoàn dàng hoàng đi xe công cộng về Nam Ninh, rồi từ đây đi thuyền về Diên Đông.

Vì trong giấy cấp có ghi tên một người tên là Căn cùng đi, nên đoàn phải giữ bí mật. Bác đóng vai nhà báo Trung Quốc, ký giả báo *Đan Thanh* ở Hương Cảng, biết nhiều thứ tiếng nước ngoài, nhưng không biết tiếng Việt. Căn làm gì, “nhà báo” phải nói qua người phiên dịch. “Nhà báo” cùng ăn ở với đoàn người Việt Nam; khi qua ghềnh, ông cũng xuống kéo thuyền như mọi người. Một bữa, chị Hiền khát, định vục nước sông uống, “ông nhà báo” ra hiệu cho chị quay lại, rồi nói tiếng Pháp với “người phiên dịch” (là Phạm Văn Đồng). Ông Đồng cười, dịch lại: “Ông nhà báo bảo chị khát nước thì mua mía mà ăn, đừng uống nước lã, đau bụng”.



Nhưng hôm sau, trong thuyền có người hút thuốc sơ ý để tàn rơi bén vào áo, “ông nhà báo” bỗng buột miệng kêu: “Cháy! Cháy!”.

Mọi người nhìn ông, suýt bật cười. May mà lúc này, ngoài mấy cán bộ, không ai trong thuyền để ý.

(Theo Hồi ký của VŨ ANH,
ĐẶNG VĂN CẤP - Sdd)

NHỮNG BÔNG HOA BI-OỐC-CÀ

Sau ba mươi năm bôn ba, đi khắp nhiều nơi trên trái đất, đầu năm 1941, Bác Hồ mới từ Trung Quốc về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng.

Bác rất vui, bước đi thoăn thoắt. Các cán bộ đi theo thấy vậy, càng phấn chấn, cùng rảo bước. Bông Lê Quảng Ba nói như reo lên:

- Thưa Bác, đường ranh giới là chỗ này đây.

Bác dừng sững lại, xúc động nhìn những ngọn núi, hẻm đá, những vết đường mòn, những bụi lau, còn long lanh sương sớm.

Mọi người vây quanh Bác, cùng lặng im. Gương mặt Bác như đổi khác, chòm râu lơ thơ rung rung trước gió, ánh mắt âu yếm nhìn trùm lên tất cả núi non, rừng cây, suối nước. Lúc lâu, Bác mới khẽ nói:

- Thôi, ta đi.

Bây giờ là vào mùa xuân, mùa hoa. Những bông hoa tựa như hoa huệ nở rộ, trắng muốt trên nền xanh cây cỏ. Hương thơm sực nức trong nắng sớm. Bác dừng lại bên một khóm hoa. Ông Ba thưa:

- Hoa này bà con ở đây gọi là Bi-oốc-cà. Hình như chỉ vùng này mới có nhiều, thơm lắm. Tết



đến, gia đình nào cũng cắm một bó hoa Bi-oóc-cà trong nhà. Lá cũng thơm, vì thế ngày tết, đồng bào hái về nấu nước rửa mặt, gội đầu...

Bác hái tặng mỗi người một bông Bi-oóc-cà. Cầm bông hoa trên tay, đoàn người bước đi như một đám rước.

(Theo bài của ĐỖ QUANG TIẾN,
Tạp chí *Tác phẩm mới*)

ÔNG CỤ NÀY SẼ LÀM VUA CẢ NƯỚC MÀ

Như thường lệ, mọi việc xảy ra trong vùng chiến khu, “đồng chí già” (Bác Hồ) đều tìm hiểu kỹ càng và xử lý chu đáo.

Lần ấy, trong bản có một nữ hội viên của đoàn thể cứu quốc chết, gia đình sửa soạn làm ma. “Đồng chí già” gọi Dương Đại Lâm đến hỏi:

- Nữ hội viên này chết, đoàn thể có tổ chức đi thăm viếng không? Lệ thường xưa nay đến thăm viếng, có phải mang gì đến giúp không?

Đại Lâm cho biết là ai có gì mang nấy, có tiền, gạo thì mang tiền, gạo, không thì bó củi bó đuốc cũng được, miễn là có lòng thương xót người chết... “Đồng chí già” hỏi thêm:

- Có đọc văn tế không?

- Dạ, có thì hay quá. Nhưng trong bản có vài ông Tào hay chữ, ông thì đi vắng, ông ở nhà lại khó tính lắm, cháu ngại phiền, chẳng dám nhờ.

“Đồng chí già” nghĩ một lúc rồi bảo:

- Thế thì Đại Lâm cứ về, chiều lên lấy.



Trong bài văn tế, “Đồng chí già” viết có đoạn đại ý: “Con người ta ai cũng vậy, cha mẹ sinh ra, lớn lên, già nua rồi chết đi. Ấy là luật chung của tạo hóa, ai cũng như nhau. Thế thì tại sao ở trên đời, cuộc sống mọi người lại không bình đẳng, có kẻ giàu người nghèo, có kẻ này áp bức bóc lột người khác?”.

Nghe đoạn văn, ai cũng thấy như “vận vào mình” nên đều trầm trồ, khen ngợi.

- Văn tế của thầy Tào nào mà hay thế?

- Chẳng phải của thầy Tào nào cả. “Đồng chí già” viết đấy mà!

- Ôi chao, “Đồng chí già” cũng làm Tào được à?

Đại Lâm nghe một người hỏi; liền nói thêm:

- Không rõ, nhưng “Đồng chí già” viết văn tế thì chẳng thua ông Tào nào đâu.

... Một lần khác, như mọi ngày, “Đồng chí già” dậy sớm, tập thể dục, rồi ra suối tắm. Đạo ấy gặt hái đã vãn, trên bờ ruộng thường úp cái “loòng” (thuyền đập lúa) chùi rửa sạch sẽ. Hôm đó, đi tắm về, “Đồng chí già” bước qua bờ, làm một cái “loòng” rơi xuống ruộng, lấm bết. Cái “loòng” thì nặng mà chẳng có ai để nhờ giúp, “Đồng chí già” loay hoay một mình, cọ rửa sạch, rồi kê lên úp vào chỗ cũ.

Thế nhưng, chuyện ấy cũng có người biết, về kể lại cho dân bản. Ông cụ Đình, bố Dương Đại Lâm bảo con:



- Chà! Ông cụ này sao mà cẩn thận thế? Người của cách mạng có khác. Chúng mày phải bảo vệ ông cụ thật chu đáo. Chúng mày phải nghe lời ông cụ, theo ông cụ đến cùng. Ông cụ sẽ làm vua cả nước đấy mà!

(Theo Hồi ký của Đại tá DUONG ĐẠI LÂM)



NHỮNG BÀI THƠ NHỎ LÀM NÊN NHÀ THƠ LỚN

Suốt 14 tháng trời, từ 29-8-1942 đến 13-9-1943, Bác Hồ bị nhà cầm quyền Tưởng Giới Thạch bắt, giải đi khắp các nhà tù 13 huyện tỉnh Quảng Tây.

Trong tù, “không có việc gì làm”, Bác làm thơ để “đợi ngày tự do”. Trên 100 bài thơ ghi cảnh ở tù được chép lại trong cuốn sổ tay nhỏ bìa xanh, đề là *Ngục trung nhật ký*.

Tập nhật ký bằng thơ này, Bác bỏ quên ở một nơi nào đó trên một tỉnh biên giới, một hôm được một cụ già mang về Hà Nội, trao lại cho cơ quan Trung ương Đảng. Thật là may mắn.

Hóa ra, tập vở nhỏ này lại giúp chúng ta biết thêm một mặt tài năng lớn, phẩm chất lớn của Bác. Những bài thơ nhỏ ở đây đã nâng Bác Hồ lên hàng “Thi sĩ lớn hiện đại Việt Nam”. Tập thơ được dịch, giới thiệu trong nước nhiều lần, và dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới.

Thơ viết bằng chữ Hán. Có lần, Bác đã giải thích lý do với nhà thơ Cu Ba Phêlich Pita Rôđrighét khi ông đến gặp Người, năm 1966:



“Tôi viết trong thời gian bị giam ở các nhà tù của Tưởng Giới Thạch tại Trung Quốc. Nếu tôi dùng tiếng Việt để viết, bọn cai ngục khi nhìn thấy một thứ chữ mà chúng không hiểu, chắc chắn chúng sẽ tịch thu mất. Do đó, tôi phải viết bằng chữ Hán”.

Lúc đó, Rôdrighêr đang chuẩn bị dịch tập thơ của Bác ra tiếng Tây Ban Nha. Nhà thơ Tố Hữu đưa một bản in *Nhật ký trong tù* dịch ra tiếng Pháp đến xin chữ ký của Bác làm kỷ niệm để trao tặng ông bạn thơ Cu Ba. Rôdrighêr rất xúc động. Nhân đó, ông nêu ý kiến nhận định về giá trị cao của tập thơ. Bác Hồ liền nói:

- Không, tôi đã viết tập thơ này, nhưng tôi không phải là một nhà thơ chuyên nghiệp.

- Xin lỗi, thưa Chủ tịch, không có nhà thơ nào trong thực tế là một nhà thơ chuyên nghiệp. Bác Hồ nhìn nhà thơ nước bạn, có vẻ ngạc nhiên.

- Vậy thì... các nhà thơ sống bằng gì?

- Bằng văn xuôi, thưa Chủ tịch, luôn luôn bằng văn xuôi.

Bác gật đầu rồi nói đùa:

- Chắc là như thế, bởi vì, đồng chí biết đấy, tập thơ này đã được dịch ra nhiều thứ tiếng, nhưng chưa bao giờ họ trả cho tôi một xu tiền nhuận bút.

Mọi người cùng cười vui vẻ.

(Theo bài của PH.P. RÔDRIGHÊT
và một số bài khác)



NHỮNG NGÀY Ở LIỄU CHÂU

Tháng 9-1943, Bác Hồ ra khỏi nhà tù Tưởng Giới Thạch và được đưa về Liễu Châu. Bác ở một căn phòng nhỏ trong một ngôi nhà tám mái dựng trên ngọn đồi bên sông Liễu Giang. Đây là nhà văn hóa Trung Sơn cũ được ngăn làm đôi, một bên là thư viện, một bên là nhà ăn của sĩ quan thuộc Bộ Tư lệnh chiến khu bốn.

Thấy Bác vừa ra tù, lại ăn uống kham khổ kiểu bào ta ở Vân Nam gửi ông Lê Tùng Sơn chuyển cho Bác 2000 đồng (tiền Trung Quốc) để Bác bồi dưỡng sức khỏe. Bác không muốn nhận, bảo:

- Mình ở đây tuy khổ nhưng không đến nỗi đói. Còn anh em trong nước hiện nay đói không có cơm ăn, ốm không có thuốc uống, nhiều khi có cơm mà không có muối ăn. Đó là chưa nói đến cán bộ sống trên rừng núi sốt rét liên miên. Nếu không biết đồng cam cộng khổ thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, sẽ khó mà vượt qua được thử thách.

Ông Tùng Sơn khẩn khoản mãi, Bác nhận tiền, nhưng lại đi mua sách gửi về nước.

... Hàng ngày Bác giữ nếp sinh hoạt chặt chẽ.



Giữa mùa đông, khi lính thổi kèn hiệu, Bác đã ra sân luyện Thái cực quyền, sau đó, tập chạy trên con đường rải cát, rồi xuống sông bơi lội... Đám sĩ quan Tưởng trầm trồ: “Ông ấy hẳn có bộ thần kinh bằng thép!”.

Bác cùng ăn cơm với các sĩ quan. Tối nhà ăn, Bác thường thay đổi chỗ ngồi khi ở bàn này, khi ở bàn khác, và vừa ăn, vừa nói chuyện vui vẻ. Các sĩ quan đều rất thích những câu chuyện mới mẻ, nên thường vây quanh Bác để hóng nghe. Họ đối với Bác rất thân tình. Theo họ, Hồ Tiên sinh là người rất đáng kính.

Thiếu tướng chủ nhiệm chính trị Hầu Chí Minh là người thân với Bác hơn cả. Chính ông ta là người hướng dẫn Bác tập Thái cực quyền. Ông ta tặng Bác nhiều sách nói về chủ nghĩa Tam dân.

Không chỉ các sĩ quan mà nhiều nhân sĩ trong chính giới Hoa Nam cũng khâm phục Hồ tiên sinh, cho tiên sinh là người học vấn uyên thâm, có chí hướng lớn và nghị lực phi thường. Nhưng họ cũng thấy “ông Hồ là nhân vật đáng sợ”. Họ phỏng đoán ông Hồ có lẽ chính là Nguyễn Ái Quốc.

... Sau bữa ăn, Bác vào thư viện đọc, viết. Bác viết khá nhiều cho *Nhật báo Liễu Châu*. Những bài báo của Bác được độc giả đặc biệt chú ý, nên số nào có bài của Bác, tòa soạn đều loan báo trước. Ở Liễu Châu truyền rộng lời khen: “Nếu nói văn của Hồ tiên



sinh khác nào nhả ngọc phun châu, thật chẳng phải là nói quá. Sao lại có người Việt Nam viết văn Trung Quốc hay thế?”.

... Nhưng giữa lúc này, các đồng chí ở nhà nóng lòng mong đợi tin Bác, và mỗi quan tâm hàng đầu của Bác cũng là tình hình trong nước. Đến một ngày, ai nấy đều vui mừng khi nhận được một tờ báo từ Trung Quốc gửi về, bên mép tranh, có dòng chữ viết tay “Chúc chú huynh ở nhà mạnh khỏe và cố gắng công tác. Ở bên này bình yên” phía dưới trang lại có bài thơ (dịch):

*Núi áp ôm mây, mây áp núi,
Lòng sông gương sáng bụi không mờ
Bồi hồi dạo bước Tây phong lĩnh,
Trông lại trời Nam nhớ bạn xưa.*

Bài thơ này về sau in kèm vào tập *Nhật ký trong tù* lấy đề “Ra tù, tập leo núi”.

(Theo LÊ TÙNG SON - Sdd)



NGƯỜI GIAO THÔNG GIÀ CỦA ĐỒNG CHÍ THU

Sau hội nghị lần thứ tám của Ban chấp hành Trung ương Đảng, một số cán bộ miền xuôi, trong đó có Trương Thị Mỹ, được cử đi dự lớp huấn luyện chính trị ở Cao Bằng. Đến Pác Bó, mấy học viên ngồi quanh bếp lửa, chuyện trò vui vẻ.

Một cụ già mặc quần áo chàm người Nùng, đội mũ nôi, chống gậy bước vào. Mọi người vội đứng dậy chào. Ông cụ bắt tay từng người, niềm nở:

- Các đồng chí đi mất bao nhiêu ngày đường? Có mệt lắm không?

Cụ hỏi tỉ mỉ tình hình phong trào dưới xuôi, một cách tự nhiên, thân mật, cuối cùng, cụ dặn:

- Các đồng chí hãy nghỉ ngơi, cơm nước đi, ngày mai bắt đầu học.

Thì ra là lão đồng chí phụ trách lớp học. Chị Trương Thị Mỹ ngáp ngừng một lúc, nhưng rồi tin chắc đây là đồng chí Thu, nên mạnh dạn nói:

- Thừa lão đồng chí, Trung ương có giao cho cháu một bức thư để chuyển cho đồng chí Thu, nhờ lão đồng chí báo cho để cháu được gặp.



Ông cụ nhìn chị trù mền, bảo:

- Tôi là giao thông của đồng chí Thu đây, cô cứ đưa tôi.

Chị Mỹ trao thư, dặn đi dặn lại là nhờ lão đồng chí chuyển tận tay đồng chí Thu cho, nhưng trong lòng vẫn áy náy.

Đến lớp học, chị Mỹ lại thấy đồng chí giao thông già tới giảng bài. Những bài chính trị cao xa như “chủ nghĩa Mác-Lênin” sao mà đồng chí già giảng giải dễ hiểu thế. Thấy sáng tỏ được nhiều, ai cũng vui. Máy anh em nói với nhau:

- Cụ giao thông già của ông Thu mà giỏi như thế thì ông Thu còn giỏi đến thế nào!

Ba tháng ở lại Pác Bó học tập và công tác, chị Trương Thị Mỹ vẫn không được gặp đồng chí Thu lần nào, trong lòng vừa áy náy, vừa tiêng tiếc.

Cho đến ngày 2-9-1945, đi dự lễ tuyên bố độc lập ở quảng trường Ba Đình, Hà Nội, nhìn lên lễ đài, chị Mỹ mới hiểu: Thì ra “đồng chí giao thông già” của đồng chí Thu cũng chính là đồng chí Thu, là Bác Hồ.

(Theo Hồi ký của TRƯƠNG THỊ MỸ - Sdd)



PHẬT ANH HỌC TRÒ LƯỜI

Độ mới về nước, Bác Hồ thường gần gũi lớp thanh niên, tranh thủ mọi cơ hội để bồi dưỡng, huấn luyện cho anh em. Bác lại khuyên họ về mùa hè không nên ngủ trưa, chiều làm việc uể oải. Vì thế, trưa nào Bác cũng đưa thanh niên ra bờ suối nói chuyện hướng dẫn học tập.

Nhưng đám thanh niên thảng được giấc ngủ trưa không phải dễ. Có người ngồi nghe Bác nói chậm rãi, bờ suối lại râm mát, nên ngủ gật. Bác đánh thức dậy, bảo xuống suối rửa mặt cho tỉnh táo.

Một hôm, đồng chí T. đi công tác về, buổi trưa ấy trốn học, đi biệt tăm. Bác cùng anh em luồn vào rừng đi tìm. Đến gần một gốc cây khá cao, thấy có cái chòi bắc ngang trên cành cây thì Bác hơi nghi, dừng lại. Lắng nghe trong tiếng gió có tiếng ngáy khò khò trên chòi, Bác gọi mấy người tới, bảo trèo lên xem, thì đúng là anh T. đang đánh giấc ngủ trưa, cuốn sách úp trên mặt.

Anh học trò trốn học trở về, đứng trước mặt “thầy giáo” chỉ còn biết nhe răng cười, xin chịu lỗi. Bác Hồ cũng cười, hỏi:



- Tại sao trò hôm nay trốn học?

Rồi Bác dắt tay anh T. đến bên bờ suối bảo:

- Không có việc gì làm nên buồn ngủ. Bây giờ giao cho việc nhặt hết lá khô ở đoạn suối này, khi nào hết buồn ngủ thì vào tiếp tục học.

Mọi người, kể cả anh học trò bị phạt, cũng thấy “lý thú”.

(Theo lời kể của DUONG ĐẠI LÂM - Sdd)



KHÔNG CÓ NÚI SÔNG THÌ DỰA VÀO NGƯỜI

Lớp học chính trị tại hang Kéo Quảng (Nguyên Bình) do Bác Hồ trực tiếp phụ trách.

Hồi bấy giờ, Hít-le đang ồ ạt tiến công Liên Xô. Quân đội phát xít Đức đã chiếm gần hết Ucraina và chỉ còn cách thủ đô Matxcova vài ba chục km. Nhiều người lo lắng hỏi:

- Phát xít Đức mạnh đến như thế, liệu Liên Xô có thể bị mất không ạ?

Bác nói:

- Việc gì mà phải lo. Liên Xô đã chuẩn bị từ lâu. Đất nước này rộng lắm. Các nhà máy ở thủ đô đều đã dời vào dãy núi U-ran cách xa hàng nghìn cây số. Nếu quân đội của Hít-le chiếm đóng những vùng gần thủ đô thì Liên Xô sẽ rút về phía U-ran và tiếp tục kháng chiến. Đánh giặc phải có căn cứ địa chứ.

Nghe nói đến căn cứ địa, có người hỏi:

- Thừa lão đồng chí, ở miền núi thì lấy núi lấy sông làm căn cứ địa, thế còn ở đồng bằng không có địa thế hiểm trở thì làm thế nào ạ ?



Bác cười bảo:

- Có núi thì dựa vào núi, có sông thì dựa vào sông, không có núi, có sông thì dựa vào người dân ở đó.

Rồi Bác kể lại chuyện ông cha ta bao đời đánh giặc, nhất là trong cuộc kháng chiến chống Nguyên, kẻ địch mạnh đến nỗi hầu hết các nước đều phải chịu thua. Nhưng khi chúng kéo quân vào nước ta, thì cả ba lần đều bị thất bại. Đó là vì triều Trần đã biết lấy dân làm sông, làm núi. Rồi Bác nói tiếp:

- Các chú có biết chữ Hán có chữ “nhân sơn, nhân hải” có nghĩa là “núi người, biển người” không? Ở đâu có dân là ở đó có núi, có sông, có biển. Dân có sức mạnh hơn cả sông núi. Nếu ta biết dựa vào dân thì sẽ thành công.

(Theo Hồi ký của BẰNG GIANG)



MỘT NGÀY ĐI ĐƯỜNG

Đạo ấy, vào dịp trung tuần tháng bảy âm lịch, Bác về tỉnh ủy Cao Bằng, rồi từ đây Bác lại trở về Pác Bó.

Bác bận quần áo Nùng đã phai màu, lưng đeo bao phục, tay chống gậy, bước thoăn thoắt. Đồng chí giao thông đi vượt lên trước. Qua Nà Pằng, có một người đàn ông quần áo lành lặn, tay chống ba-toong, đang đứng ngắm cánh cổng. Trông thấy Bác, giống như một người Nùng Giang, hần hắt hàm hỏi bằng tiếng Tày:

- Này! Ông già kia! Mày đi đâu đấy?

Bác trả lời bằng tiếng Nùng Giang:

- Tôi ở Lục khu xuống, tìm nơi đi ở chăn trâu thuê, nhưng họ chê tôi già, không ai mượn. Nay tôi trở về nhà thôi.

- Tốt lắm. Mày ở đây với tao. Nhà tao ở kia kia. Vừa nói, hần vừa giơ ba-toong chỉ ngôi nhà cao giữa bản. Bác liền bảo:

- Dạ, tôi đi lâu lắm rồi, nay để người già về thăm con cháu vài hôm, rồi sẽ đến đây nhờ miếng cơm nhà ông.

Người kia vênh mặt lên, hách dịch:

- Ủ, đi rồi trở về ở với tao!

Bác tiếp tục rảo bước. Qua đường tắt Đào Ngạn ra đường cái Đôn Chương, Bác lại sắm vai thầy cúng, còn đồng chí giao thông thì làm người Nùng Giang Lục khu đi đón thầy cúng về bản. Cả hai người đang hoảng đi qua đồn lính Đôn Chương...

Vợ viên đồn trưởng đang ốm, lão ta muốn giữ ông thầy cúng ở lại cúng ma, nhưng thầy bảo phải đi gấp, vả lại bệnh tình vợ lão chẳng trầm trọng gì, khi trở về làm lễ cũng không muộn, nên viên đồn trưởng đồng ý cho đi, và dặn đi dặn lại:

- Hôm sau, thế nào thầy cũng nhớ ghé lại.

Hai người đi khỏi đồn. Cười thầm trong bụng.

(Theo THUYẾT BÁCH)

CÁI GÌ QUÝ NHẤT

Hồi ở Tân Trào, Bác Hồ thường mặc áo chàm bạc màu, may theo kiểu người Nùng. Dân bản gọi Bác là “đồng chí già”, hoặc “đồng chí cụ”, có khi gọi là “đồng chí thượng cấp”.

Ban ngày bận việc, nhưng tối tối Bác vẫn dành thì giờ xuống bản gặp đồng bào, nói chuyện đánh Tây, đuổi Nhật và khuyên bảo mọi điều. Một đêm, Bác cùng bà con dân bản quây quần bên bếp lửa. Bác hỏi:

- Bà con ta ai biết trên đời này cái gì quý nhất?

Nhiều người tranh nhau trả lời. Người này nói cái nhà quý nhất, người kia nói cái cày, người nọ nói là con trâu quý nhất. Có chị nói to:

- Thừa đồng chí thượng cấp, đồng bạc trắng là quý nhất.

Nhiều người nhao nhao đồng ý:

- Đúng rồi, đồng bạc trắng quý nhất.

Bác cười, tỏ ý đồng tình, rồi hỏi thêm:

- Đồng bạc trắng quý nhất thì nên cất giấu ở đâu cho kín?



- Giắt ở mái nhà ạ, - một người trả lời.
- Chôn dưới đất cũng được ạ.
- Cất trên đầu cũng kín ạ.

Nhiều người cùng nói, rất sôi nổi.

Bác chậm rãi bảo:

- Đồng bạc trắng quý thật, muốn giữ kín, chôn giấu ở đâu cũng được. Nếu mất có thể tìm hoặc làm ra được. Nhưng cán bộ đội cứu quốc quân về bản hoạt động còn quý hơn cả bạc trắng. Nếu có họ thì ta có cả. Họ cùng ta đánh Tây, đuổi Nhật, họ là tội tở của dân. Nếu nước nhà được độc lập, dân có tự do, thì nhà cửa, trâu bò, tiền bạc đều có. Vậy ta phải giấu họ cho kín đáo.

Một bà mẹ thắc mắc:

- Làm thế nào giấu kín được, thưa cụ?

Bác chờ xem ai có điều gì hỏi thêm nữa không, rồi chậm rãi bảo:

- Muốn giấu kín thì ta phải “ba không”, nghĩa là nếu có kẻ lạ mặt hỏi thì ta trả lời: không nghe, không thấy, không biết. Làm như vậy ta sẽ bảo vệ được cán bộ và khu căn cứ.

Nghe Bác nói, mọi người đều đồng tình:

- Nếu vậy thì làm được thôi mà!

(Theo bài của ĐOÀN MINH TUẤN)



ĐỒNG CHÍ ĐÃ THẤY NGƯỜI CỘNG SẢN NÀO CHƯA?

nh Việt Dũng vào quân giải phóng ít lâu sau thì được đi dự lớp huấn luyện của Tổng bộ Việt Minh. Lớp học do một “ông cụ” phụ trách.

Trong buổi học đầu tiên, “ông cụ” đưa cho mỗi người một quyển sách nhỏ, trong đó có nói về chương trình, điều lệ của Việt Minh, rồi bảo đọc kỹ.

Thấy sách có ghi “trong Mặt trận Việt Minh có cả Đảng Cộng sản” thì Việt Dũng giật mình, ngơ ngác. Thật không thể ngờ được!

Khi “ông cụ” bảo các học viên nêu lên những điều chưa hiểu, anh Việt Dũng liền hỏi:

- Thưa cụ tại sao trong Mặt trận Việt Minh lại có cả Đảng Cộng sản?

Trong lớp có tiếng xì xào làm anh lo sợ. Nhưng “ông cụ” ra hiệu cho mọi người giữ trật tự, rồi hỏi:

- Đồng chí hiểu về Đảng Cộng sản như thế nào?

- Thưa cụ, cháu chưa hiểu nhưng nghe người ta nói cộng sản không tốt, họ chủ trương cái gì cũng chung chạ, lại không có gia đình, không có Tổ quốc...

Nghe Việt Dũng nói, nhiều học viên tỏ vẻ ngạc nhiên, khó chịu, còn “ông cụ” có vẻ như cười, hỏi thêm:

- Đồng chí nghe ai nói như vậy? Những người ấy là thế nào với Tây, với Nhật?

- Họ là... là những người... làm việc cho Tây, cho Nhật.

Việt Dũng bắt đầu vỡ lẽ ra. “Ông cụ” liền hỏi tiếp:

- Đồng chí nghe Pháp, Nhật nói về Việt Minh như thế nào?

- Họ nói Việt Minh là giặc cỏ, là ăn cướp ạ.

“Ông cụ” lại chỉ định một học viên khác tìm cách trả lời cho Việt Dũng. Học viên ấy thưa:

- Đế quốc Pháp, phát xít Nhật ghét cộng sản cũng như ghét Việt Minh ta. Chúng nó bịa ra đủ điều xấu xa để gán cho cộng sản và Việt Minh, nhưng sự thật là những người cộng sản kiên quyết đánh Pháp, đuổi Nhật nhất, nên Đảng Cộng sản là nòng cốt, là cơ quan tham mưu của Mặt trận Việt Minh...

“Ông cụ” lại hỏi Việt Dũng:

- Đồng chí đã hiểu chưa?

- Thưa cụ, đã hơi hiểu.

“Ông cụ” dịu dàng giải thích thêm, rồi hỏi:

- Đồng chí đã gặp người cộng sản nào chưa?

- Dạ, chưa ạ.

- Nếu đồng chí Văn (tức Võ Nguyên Giáp), đồng

chí Khang (tức Hoàng Văn Thái) là cộng sản thì đồng chí có thích không?

- Dạ, thích ạ.

Cả lớp học đều cười, vui vẻ.

Mãi đến những ngày sau Cách mạng tháng Tám, Việt Dũng mới biết “ông cụ” chính là Hồ Chủ tịch.

(Theo lời kể của VIỆT DŨNG,
NGỌC CHÂU ghi)

HỒ CHỦ TỊCH VỚI BÀI QUỐC CA

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, Ban tuyên Huân Trung ương giới thiệu ba bài hát để chọn một bài làm Quốc ca: “Cùng nhau đi hồng binh” của Đỗ Nhuận, “Diệt phát xít” của Nguyễn Đình Thi, “Tiến quân ca” của Văn Cao.

Ban Tuyên huân đến trình để xin Bác phê duyệt.

Bác Hồ không đồng ý lấy bài “Cùng nhau đi Hồng binh”, nhưng không nói rõ lý do. (Có người cho bài này ảnh hưởng hát dặm Nghệ Tĩnh, không tiêu biểu).

Bài “Diệt phát xít” ra đời trong thời kỳ kháng Nhật, âm điệu hào hùng, được phổ biến trong sinh viên và thanh niên. Nhưng theo Hồ Chủ tịch thì lời ca hơi dài, khá phổ cập, một số câu, chữ vào quốc ca không thích hợp, như “Diệt phát xít, diệt loài chó đê hèn của chúng...”, nên Bác cũng không đồng ý.

Theo Bác thì Quốc ca phải sâu sắc về nội dung và đẹp về lời ca. Bác đồng ý chọn bài “Tiến quân ca”, một bài hành khúc nghiêm trang hào hùng, nhịp lại thông thả, dễ hát. Bác tham gia ý kiến sửa lại lời hát ở một số câu cho chính xác hơn, đẹp hơn, phù hợp với Quốc

ca: “Đoàn quân Việt Minh...” sửa là “Đoàn quân Việt Nam...”; “Thề phanhtây uống máu quân thù” sửa lại là “Đường vinh quang xây xác quân thù”...

Tác giả, nhạc sĩ Văn Cao, cho biết năm 1944, Vũ Quý giao cho Văn Cao nhiệm vụ sáng tác bài hát cho khóa quân chính kháng Nhật. Văn Cao viết bài “Tiến quân ca” trên căn gác hẹp nhà số 45, Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội. Nguyễn Đình Thi rất vui thích khi cầm bản nhạc lên xướng âm lần đầu. Sau đó, anh viết bài “Diệt phát xít”, còn Văn Cao thì viết thêm bài “Chiến sĩ Việt Nam”... Cuối năm 1944, chính tay Văn Cao viết lên đá in bài “Tiến quân ca”. Bài hát được nhanh chóng truyền bá rộng rãi.

Trong cuộc mít tinh của giới viên chức Hà Nội ngày 17 tháng 8 năm 1945, khi lá cờ đỏ sao vàng xuất hiện công khai thì bài “Tiến quân ca” cũng vang lên. Hai hôm sau, 19 tháng Tám năm 1945, ngày tổng khởi nghĩa, “Tiến quân ca” lại được dàn đồng ca “Thiếu niên tiên phong” hát mở đầu cuộc mít tinh trước nhà hát lớn Hà Nội.

Ngày 2-9-1945, “Tiến quân ca” chính thức thành quốc ca Việt Nam, vang lên trên quảng trường Ba Đình lịch sử.

(Theo bài của HỒ THỨC HOÈ
và bài của VĂN CAO)



CHÍNH SÁCH CÂU TIỀN

Quân Pháp nấp sau bóng quân Anh, gây hấn ở Nam Bộ. Mười tám vạn quân Tưởng kéo vào phía Bắc. Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trẻ tuổi đang đứng trước thử thách lớn. Nhưng Hồ Chủ tịch vẫn bình tĩnh đối phó. Người căn dặn cán bộ:

- Chính sách của ta phải là chính sách Câu Tiền⁽¹⁾!

Tổng tham mưu trưởng của Tưởng Giới Thạch là Hà Ứng Khâm sang Việt Nam với âm mưu “diệt cộng cầm Hồ”, nhưng nhìn thấy khí thế của nhân dân ta, đành trở về. Những tên lính “lam y” (áo xanh) đầu tiên đến Hà Nội, thấy trật tự thành phố nghiêm ngặt, bèn đến xin cấp giấy phép mang vũ khí. Bác Hồ bảo:

- Làm một con dấu, cấp giấy cho chúng thôi. Sắp đến lúc chúng không cần đến giấy tờ của chúng ta nữa đâu.

Bác lại chỉ thị đổi tên “Giải phóng quân” thành “Vệ quốc đoàn”. Chữ “đoàn” mang ý một tổ chức vũ

(1) Việt Vương Câu Tiên chịu nhân nhục một thời gian dài lo xây dựng thực lực, để đánh thắng Ngô Vương Phù Sai.

trang nhỏ, để chúng bớt chú ý. Bộ đội lại được lệnh dân ra xung quanh Hà Nội, và những đơn vị ở lại phải kiềm chế, tránh mọi sự khiêu khích của chúng. Quân Tưởng ngày càng ngang ngược. Có lần, chúng xét giữ cả xe của đồng chí Văn (Võ Nguyên Giáp). Bác dặn ông T., người được giao việc liên hệ làm việc với quân Tưởng:

- Để giành được cái to lớn hơn, cái đầu của chú chỉ được gặt. Chúng đòi gì cũng không được lắc.

Bọn phản nước Việt quốc, Việt cách, nấp bóng chủ cũng lộng hành, ra sức quấy phá. Đồng bào ta hết sức phẫn nộ. Bác nói với cán bộ xung quanh, đại ý: “Con chuột chạy vào phòng, ta có nên lấy đá ném vào không? Như thế sẽ làm vỡ hết đồ quý. Ta phải tìm cách xua cho nó ra”.

Khi nhận lời đến họp chung với đám Nguyễn Văn Tài, Bác giao cho các ông Lê Tùng Sơn, Cù Huy Cận thảo bản “Tuyên bố đoàn kết” và dặn: “Đến họp, các chú cứ phát biểu, họ nói xằng nói bậy cũng đừng nóng mặt”.

Bác Hồ kiên trì uốn nắn, phê bình bệnh “ấu trĩ tả khuynh” cho nhiều cán bộ. Nhưng khi cần bảo vệ nguyên tắc thì Bác lại rất kiên quyết.

Một hôm, Bác đi gặp Bộ tư lệnh quân Tưởng về muộn. Bác ăn cơm ít hơn ngày thường, bảo rằng “về quá bữa, ăn mất ngon” và kể lại rằng chúng đòi Bác ký giấy cung cấp cho chúng một số gạo rất lớn. Bác từ

chối thẳng thừng. Chắc chúng còn làm rầy về chuyện gạo... Bác bảo:

- Gạo đâu mà đưa cho chúng nhiều thế. Dân mình có đủ gạo ăn đâu.

Lại trong kỳ họp đầu tiên của Quốc hội khóa I, bọn phản động đòi thay đổi quốc kỳ. Bác kiên quyết phản đối:

- Lá cờ đỏ sao vàng đã nhuộm bao nhiêu máu của các chiến sĩ ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, đã đi từ Á sang Âu, lại từ Âu sang Á, tới đâu cũng được chào kính cẩn. Bây giờ thì trừ 25 triệu đồng bào ra, còn không ai có quyền gì mà thay đổi quốc kỳ!

(Theo Hồi ký của VÕ NGUYỄN GIÁP,
HUY CẬN và một số người khác)

CÓ AI ĐẾN GIẢI PHÓNG CHO CHÚNG TA ĐÂU

Quân đồng minh sắp sửa vào Việt Nam tước vũ khí của quân đội Nhật Bản. Hội Văn hoá cứu quốc giao cho một số cán bộ phụ trách làm biểu ngữ trên đường phố Thủ đô Hà Nội để chào mừng. Anh em bàn bạc với nhau và đề ra mấy câu khẩu hiệu:

- Nước Việt Nam của người Việt Nam!
- Độc lập hay là chết.
- Hoan hô những người giải phóng cho chúng ta!

Nhìn đường phố chói rục cờ và biểu ngữ chữ vàng trên băng đỏ bằng các thứ tiếng Việt, Nga, Hoa, Anh, Pháp, nhà văn Nguyễn Huy Tưởng cười, bảo nhà điện ảnh Phạm Văn Khoa:

- Khoa này, khẩu hiệu và cờ choàng cho Thủ đô chiếc áo cưới.

Nào ngờ, tối hôm ấy, các anh nhận được lệnh Bác Hồ chỉ thị phải dỡ ngay khẩu hiệu “Hoan hô những người đến giải phóng cho chúng ta!” Bác giải thích rằng: “Cách mạng tháng Tám do Đảng ta lãnh đạo, nhân dân ta đấu tranh gian khổ với thực dân

Pháp và phát xít Nhật để giành lại chính quyền, giành lại độc lập, tự do cho Tổ quốc, chứ có ai đến giải phóng cho chúng ta đâu, mà các chú làm khẩu hiệu hoan hô!".

Lúc này, mấy anh em mới ngó ra, hò nhau đến toà Thị chính mượn chiếc cam-nhông đi gỡ cái khẩu hiệu non nớt về chính trị đó, thay vào khẩu hiệu khác, hì hục suốt đêm mới làm xong.

(Theo PHẠM VĂN KHOA)



KHÔNG AI LÀ NGƯỜI VÔ DỤNG CẢ

Sau ngày cướp chính quyền, nhà văn Nguyễn Công Hoan được giao phụ trách kiểm duyệt sách báo. Báo chí rất nhiều, ông làm việc từ sáng đến tối nhưng vẫn không xuể. Trong khi đó, bộ phận ông phụ trách có tới 20 người gồm cả những công chức thời Pháp, Nhật lưu dụng, trong đó có một cựu Tri phủ. Ông Hoan thành kiến và không tin những người này, nên không dám giao công việc cho họ.

Một hôm, nhà văn được Bác Hồ gọi vào báo cáo công việc. Sau khi nghe trình bày, Bác hỏi han nhiều vấn đề cụ thể:

- Một mình chú làm ngần ấy việc rồi, sao trong một tháng chú còn cấp giấy phép cho ba mươi tờ báo khác ra đời nữa? Có phải thế không?

- Thưa cụ, phải ạ.

Bác lắc đầu, bảo:

- Một tháng ra đời ba mươi tờ báo, vậy một năm ra đời mấy tờ? Sẽ làm ăn ra sao?

Ông Hoan lúng túng, thưa:



- Thưa cụ, cháu cho rằng họ ra nhiều thế thì tờ nào viết kém sẽ phải tự đình bản ngay.

Bác lại lắc đầu:

- Chú mong thế à? Phải giúp cho họ tiến bộ mà sống chứ.

Ông Hoan sửng sốt vì bài học này quá mới mẻ.

Tiếp đó, Bác lại khen ông Hoan chịu khó, một mình làm việc cho cả hơn hai chục người, rồi Bác bảo:

- Thế mới biết Tây nuôi người ta để ăn hại!

Ông Hoan được khen, tủm tủm cười. Nhưng Bác nói tiếp:

- Nhưng chú cũng để cho họ ăn hại. Sao chú không chia bớt việc cho người ta làm?

Ông Hoan giật mình, biện bạch:

- Thưa cụ, tôi định nói với anh Liệu (tức Trần Huy Liệu, Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền lúc bấy giờ) trả họ về ngành cũ.

Bác gật đầu, rồi Bác chậm rãi nói, làm cho nhà văn như sáng mắt ra:

- Được, trả ngay. Không ai là người vô dụng cả đâu.

Nếu mình làm cho họ thành vô dụng, thì “nhàn cư”, họ sẽ “vi bất thiện” đấy.

(Theo Hồi ký của NGUYỄN CÔNG HOAN)



THƯỜNG CHO CHÚ ĐỂ CHÚ CỐ GẮNG

Thường ngày, đi ngang qua phòng nhân viên của mình (nhân viên kiểm duyệt lưu dung) nhà văn Nguyễn Công Hoan thường tự nhủ:

- Xưa kia, dân này vẫn xoá bài của mỗ đây!

Một hôm, nhà văn gặp Bác Hồ, Bác hỏi:

- Ngày trước, chú có viết báo phải không?

- Vâng ạ.

- Có bị kiểm duyệt xoá bao giờ không?

- Thừa cụ, nhiều lần ạ.

- Thế chú có ưa kiểm duyệt không?

Nhà văn tủm tủm cười:

- Thừa không ạ.

- Phải nói là ghét mới đúng. Thế bây giờ làm kiểm duyệt, chú xoá của người ta thì chú thử đoán xem người ta có yêu chú hay không?

Ông Hoan im lặng. Bác cười:

- Kiểm duyệt với báo chí phải thân với nhau. Người ta đã đặt hết tâm trí mới viết ra bài, cũng như đẻ một đứa con. Nay mình thấy cái mặt cái tay của đứa bé có vết hoặc có ghẻ thì mình bảo người ta chữa



và chữa như thế nào. Nếu mình lại chặt cái mắt, cái tay ấy đi thì đứa bé còn ra hình thù gì nữa. Đời nào bố mẹ của đứa bé lại đồng tình với mình được? Vậy thì chú có biết người ta sẽ oán ai không?

- Thưa cụ, họ oán chính quyền ta ạ.

- Phải đó, họ không oán chú đâu. Chính quyền là của nhân dân. Cơ quan ngôn luận cũng là của nhân dân. Chính quyền phải giúp ngôn luận tiến bộ.

Rồi Bác giờ từng tờ báo ra cho xem. Trên nhiều bài, và cả mục quảng cáo cũng có những nét gạch bằng bút chì xanh và bút chì đỏ. Bác bảo gạch xanh là lỗi về chính trị, còn gạch đỏ là lỗi về chữ nghĩa... Tờ báo *Quốc gia* có nhiều gạch xanh, đỏ nhất.

Nguyễn Công Hoan nói :

- Thưa cụ, cháu ngại nhất là phải đọc tờ báo này, vì bài viết kém, in ấn cũng kém.

- Thế mới càng phải đọc chứ, - Bác trả lời.

Câu nói này làm ông Hoan thấy thấm thía. Mấy hôm sau, có cuộc họp báo do Bác Hồ triệu tập. Thái độ của Bác hôm đó càng làm cho ông Hoan xúc động thực sự. Bác gọi:

- Báo *Quốc gia* đâu?

Người đại diện báo *Quốc gia* đứng dậy, mọi người đều im bật, nhìn anh ta. Bác cầm cốc cà phê, chia cho anh ta một nửa, rồi bảo:

- Thương cho chú để chú cố gắng.

(Theo Hồi ký của NGUYỄN CÔNG HOAN)



NHẮC LẠI CHUYỆN CŨ LÀM GÌ?

Lúc ông Bồ Xuân Luật dẫn một số người trong “Đồng minh Hội” trở về hợp tác với Việt Minh để phụng sự đất nước (“Đồng minh Hội” là một tổ chức chính trị của người Việt Nam tại Trung Quốc, phần lớn là phản động), ông được đến gặp Bác Hồ.

Từ năm 1944, ông Luật có gặp Bác một lần trong đại hội các tổ chức cách mạng Việt Nam ở Trung Quốc. Nhưng lần này, đến gặp Bác, ông không khỏi băn khoăn, lo lắng, vì một số phần tử trong “Đồng minh Hội” đã chống lại chính quyền cách mạng, gây không ít khó khăn cho chính phủ mới thành lập.

Vừa thấy ông Luật, Bác liền giơ tay bắt, tươi cười:

- À, chú Bồ đó phải không? Tốt lành! Có khoẻ không?

- Thưa cụ, khoẻ ạ.

Ông Luật xúc động về thái độ thân tình của Bác đối với mình; thấy Bác già và yếu đi nhiều ông càng ân hận. Ông nhắc lại chuyện cũ và tỏ lòng đau xót vì một số phần tử trong “Đồng minh Hội”. Bác vội gạt đi:



- Tôi cũng biết các chú ở trong một tổ chức không thuần. Nhưng thôi, nhắc lại chuyện cũ làm gì. Chỉ biết hiện nay cách mạng đã thành công, nhưng đang gặp phải rất nhiều khó khăn. Bây giờ phải đoàn kết, rất đoàn kết, để thắng thù trong, giặc ngoài, các chú còn ít tuổi, nay đã về đây, cần phải tích cực công tác, kiên quyết đấu tranh để góp phần củng cố cách mạng.

Rồi như chợt nhớ ra, Bác ôn tồn hỏi:

- Thế nào? Gia đình ra sao, chú có biết tin gì không?

- Thưa cụ, xa nhà lâu ngày cũng chưa nhận được tin gì cả. Không biết nạn đói vừa qua, vợ con có khỏi chết đói không? Cháu cũng không biết nữa.

Bác càng ân cần, giọng đầm ấm:

- Thế này nhé. Công việc cách mạng bây giờ rất khẩn trương. Nhưng thế nào đi nữa, chú cũng phải dành mấy ngày về thăm gia đình, bà con thôn xóm.

Rồi Bác mở ví đưa cho ông Luật một ít tiền và nói:

- Chính quyền mới giành được, lương tiền chưa có gì, gọi là chút đỉnh, chú cầm lấy mua quà biếu cụ và cho các cháu.

Ông Luật đỡ lấy, nước mắt rùng rùng.

(Theo Hồi ký của BỒ XUÂN LUẬT)



CƠM ĂN CỨNG... CỐ À?

Sáng 19-5-1946, đại biểu các cơ quan, đoàn thể ở Trung ương đến chúc thọ Hồ Chủ tịch. Bác vui vẻ mời ngồi rồi nói:

- Anh chị em đến chúc thọ tôi phải không? - Và mỉm cười, tiếp: - Cái ông nhà báo nào công bố ngày sinh của tôi, thật đáng phạt. Trước hết, tôi mới ngoài năm mươi tuổi, chưa gọi là già. Sau nữa, chúng ta đang ở thời kỳ công tác, chưa phải lúc cần đến hình thức lễ nghi như chúc thọ.

Khi nghe giới thiệu Ủy ban đời sống mới, Bác hỏi: “đời sống mới là ai?” Nhà văn Nguyễn Huy Tưởng đứng lên. Thế là buổi chúc thọ bỗng biến thành cuộc thảo luận sôi nổi, thân mật về đời sống mới, Bác hỏi Nguyễn Huy Tưởng:

- Chú cho tôi biết cuộc vận động đời sống mới đến đâu rồi?

- Thưa cụ, chúng tôi bắt đầu chia ra các ban nghiên cứu, tổ chức... những việc chính là định rõ cái hướng. Mấy khẩu hiệu “Cần, kiệm, liêm, chính” chúng tôi xét ra vừa không đủ, vừa cổ.

- Cổ, lạ quá, thế cơm các cụ ăn ngày xưa bây giờ mình ăn cũng là cổ à?



Mọi người cùng cười vui vẻ, Nguyễn Huy Tường lại nói:

- Thừa cụ, sau mấy buổi họp, uỷ ban vận động đời sống mới đã định rõ ba nguyên tắc cho đời sống mới là dân tộc, dân chủ, khoa học.

Hồ Chủ tịch như ngơ ngác trước những danh từ to lớn ấy. Bác bảo:

- Hay lắm. Nhưng mình phải xem dân bây giờ cần gì? Dân quê đã mấy người hiểu rõ thế nào là dân chủ, khoa học? Tôi hỏi thật chú, chú đi vận động đời sống mới thì chú làm gì trước?

Mọi người nhìn nhau. Ông Tường có vẻ bối rối, liền thưa, nào tuyên truyền, tổ chức... Bác Hồ lắng nghe rồi lắc đầu, nhìn mọi người, tay vỗ vỗ vào bụng:

- Trước hết là cái này. Dân chúng cần cái này trước hết. Phải ăn đã. Chú không ăn thì chú có đi tuyên truyền được không? Mà muốn ăn thì phải làm gì?

- Phải làm việc ạ. - Một người nào đó đáp lại.

- Đúng, phải làm việc, phải siêng năng, thế là “cần” đấy. Muốn dùng tiếng gì rõ hơn cũng được, nhưng điều cốt yếu là khẩu hiệu phải thiết thực. Ví dụ bây giờ vận động tập thể thao mà lại hô hào đánh ten-nít, thì mấy người đã mua được quả bàn, cây vợt. Đừng nên tung ra nhiều khẩu hiệu quá... Sau nữa, muốn cho việc vận động có kết quả thì người đó vận động phải làm gì?



Người thừa thế này, người trả lời thế nọ. Bác Hồ chậm rãi nói: “Phải làm gương”, và như sợ mọi người hoài nghi, Bác nhắc lại:

- Mình phải làm gương.

(Theo bài của NGUYỄN HUY TƯỜNG)

CÁ GÌ KHÔNG XƯƠNG?

Sau cách mạng, Bác Hồ làm việc ở Bắc Bộ phủ. Buổi trưa, Bác ở lại cơ quan và cùng xuống ăn cơm với cán bộ, nhân viên. Thức ăn chẳng có gì mấy, khi “sang” thì có thêm đĩa cà pháo, dưa cải muối, cá khô, về sau, bà con Nghệ An còn gửi nhút Thanh Chương ra biếu.

Bác thường dặn phải ăn cho hết, đừng để thức ăn thừa trong bát đĩa. Anh em đùa, gọi như thế là “ăn theo tác phong Hồ Chủ tịch”.

Trong bữa ăn, đôi lúc Bác hỏi chuyện công tác nhưng thường là nói chuyện vui. Có lần Bác hỏi:

- Các chú có biết cá gì không có xương không?

- Thưa Bác, đó là cá biển hay cá sông ạ?

Thấy anh em hỏi lại, Bác hơi mỉm cười:

- Không phải cá sông mà cũng không phải cá biển.

Mọi người ngạc nhiên. Bác lại cười, bảo:

- Các chú không biết à? Đó là con cá... gỗ.

Anh em cùng cười, vui vẻ. Và Bác tiếp tục kể “Sự tích cá gỗ” của xứ Nghệ...

(Theo Hồi ký của HUY CẬN

- Tác phẩm mới, số 7, 1970)



HUỲNH THÚC KHÁNG VỚI HỒ CHÍ MINH

Cuối năm 1945, cụ Huỳnh Thúc Kháng nhận được điện của Hồ Chủ tịch mời ra Hà Nội tham gia Chính phủ. Cụ Huỳnh phân vân... nói với nhiều người ở Huế rằng chưa chắc cụ đã hợp tác với cụ Hồ. Cụ ra Hà Nội xem sao đã. Trong thâm tâm, cụ Huỳnh muốn biết cụ Hồ có phải là Nguyễn Ái Quốc không?

Sau khi tiếp xúc, cụ Huỳnh đã biết rõ cụ Hồ là ai, lại thấy cụ Hồ chân thành, sống giản dị, có đường lối sáng suốt, mới nhận làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong Chính phủ liên hiệp kháng chiến. Cụ Huỳnh lại được bầu làm Chủ tịch Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt).

Cụ Hồ sang Pháp, uỷ nhiệm cụ Huỳnh làm Quyền Chủ tịch nước. Trên sân bay, cụ Hồ nắm chặt tay cụ Huỳnh nói:

- Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó, phải đi xa ít lâu, ở nhà trăm sự khó khăn nhờ cậy ở cụ cùng với anh em giải quyết cho. Mong cụ “Dĩ bất biến ứng vạn biến” (Lấy cái vững vàng, tỉnh táo để đối phó với mọi sự biến đổi của tình hình).



Cụ Huỳnh cảm động, cầm tay cụ Hồ hồi lâu, và lấy lời dặn trên làm phương châm hành động trong thời gian cụ Hồ đi vắng.

Cuối năm 1946, cụ Huỳnh đi kinh lý miền Trung. Tháng 4 năm 1947, cụ về Quảng Ngãi thì bị bệnh, phải nghỉ lại, rồi mất.

Lúc cụ ốm, có mấy vị thân hào, nhân sĩ đến thăm. Cụ gượng dậy, đón tiếp niềm nở. Một vị hỏi cụ Huỳnh:

- Tôi thuở nay nghe biết tên nhiều nhà cách mạng, nhưng chưa từng nghe tiếng ông Hồ Chí Minh. Vậy ông Hồ Chí Minh là ai?

- Ông Hồ là con cụ Phó bảng Sắc ở Nghệ An, suýt soát lớp ông và tôi. Ông Hồ hoạt động chính trị ở nhiều nước Âu, Á, Phi, và hoạt động bí mật, cố nhiên là phải thay tên đổi họ luôn để tránh lưới mắt thám quốc tế. Nhưng cái tên làm chấn động thế giới là Nguyễn Ái Quốc. Nói Nguyễn Ái Quốc, chắc ông biết, nhiều người biết.

Một vị khác lại hỏi :

- Gia sản, sự nghiệp của ông Hồ ra sao, học thức của ông thế nào, mà được người ta tôn sùng như vậy? Cụ có biết rõ chăng?

Cụ Huỳnh cười lớn:

- Ông Hồ không phải như nhiều người khác mượn hai tiếng cách mạng để rồi làm giàu hoặc làm quan to như các ông tướng đâu! Ông Hồ không đồng



xu dính túi. Nói bang cấp thì ông Hồ không là tiên si, phó bằng gì cả. Nhưng nói tri thức và sự nghiệp cách mạng thì chắc chắn lớp chúng ta cũng như lớp trước chúng ta, không ai bì kịp. Sự thấy biết của ông Hồ rất xa, rất rộng, chẳng những việc trong nước mà cả việc thế giới nữa...

Trước lúc qua đời, cụ Huỳnh gửi cho Hồ Chủ tịch một bức điện vô cùng cảm động.

Sau đó, Hồ Chủ tịch gửi đồng bào toàn quốc một bức thư thống thiết về cái tang của cụ Huỳnh.

(Theo bài của LÂM QUANG THỤ,
HUỲNH LÝ)

CHẮC ÔNG TA MỚI KHỎI

Lúc mới được Chính phủ Việt Nam dân chủ Cộng hoà mời ra làm cố vấn, Vĩnh Thụy tỏ ra vui vẻ và rất cảm phục cụ Hồ.

Trong buổi chiều đến thăm ông cố vấn (tại nhà số 5, phố Gambetta, nay là 51 Trần Hưng Đạo, Hà Nội). Hồ Chủ tịch khoác tay ông ta đi dạo trong sân, nói chuyện đến hàng nửa giờ. Trong thư gửi về cho mẹ ở Huế, Vĩnh Thụy viết: “Cụ Hồ tốt lắm, con ra đây được cụ thương lắm. Cụ thương con như con!...”.

Nhưng chẳng bao lâu ông cố vấn công dân Vĩnh Thụy đã lộ nguyên hình là ông vua bù nhìn Bảo Đại.

Hơn một tuần lễ trước tết Bính Tuất (1946), Hồ Chủ tịch mời Vĩnh Thụy đến họp Hội đồng Chính phủ, ông ta cáo ốm, không đến. Tối hôm đó, họp xong, cụ Hồ bèn đến thăm, thì thấy ông ta đang ngồi đánh mạt chược với một số bạn bè ăn chơi. Người đi thẳng tới bên, sờ tay lên trán Vĩnh Thụy, nói với giọng thân mật:

- Cố vấn ốm, ốm, thôi đi nghỉ.

Ông ta gượng, đáp ứng:

- Thưa cụ Chủ tịch, tôi... tôi mới khỏi.

Rồi đến tối ba mươi tết, Hồ Chủ tịch cùng bác sĩ Trần Duy Hưng, Chủ tịch thành phố Hà Nội, đi thăm và chúc tết đồng bào, lại ghé vào nhà Vĩnh Thụy, và lại được người nhà thưa là ông ta ốm. Người bảo:

- Thôi để ngài cố vấn nghỉ.

Nhưng khi qua bờ hồ Hoàn Kiếm, mọi người thấy Vĩnh Thụy từ trong đền Ngọc Sơn đi ra với hai mụ đàn bà ăn mặc loè loẹt... Bác sĩ Trần Duy Hưng không hay chuyện Hồ Chủ tịch đến thăm ốm ông cố vấn tuần trước, liền nói:

- Thế mà người nhà Bảo Đại lại nói ông ta ốm!

Hồ Chủ tịch mỉm cười, dí dỏm bảo:

- Chắc ông ta mới khỏi!

Mấy người cùng đi biết chuyện trước, cùng mỉm cười...

(Theo *Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc*
của PHẠM KHẮC HOÈ và bài viết của HỌC PHI)

NGƯỜI BẠN GÁI HỒI NHỎ

Cách mạng tháng Tám thành công. Nhiều người trong hoàng tộc lo lắng: Chuyên ni không bị xử tử cũng bị tù đầy thôi mà! Nhưng rồi, vua Bảo Đại thoái vị, được mời làm cố vấn của Chính phủ. Mọi người đều yên ổn. Nỗi lo sợ lắng xuống.

Buổi sáng ấy bà Huệ Minh đang ngồi xem báo. Bà đọc bản Tuyên ngôn độc lập, rồi ngắm bức ảnh của “vị hoàng thượng” mới. (Lúc đó, người hoàng tộc gọi Chủ tịch nước như thế). Ông cụ ni đẹp lão, hiền từ, nho nhã mà quốc thước...

Bỗng bà giật mình hoảng hốt, trống ngực nổi lên như trống đình. Mấy người ăn mặc sang trọng bước vào sân nhà. Chắc là họ đến bắt mình đây. Nhưng tại sao lại không có lính tráng? Bà đang lúng túng chưa biết nên xử trí thế nào, thì một vị khách cất tiếng hỏi:

- Có phải đây là dinh thất của Công tôn nữ Huệ Minh không ạ?

Bà “dạ” một tiếng nho nhỏ, bụng vẫn chưa hết lo. Đoàn khách vào nhà, đặt lên khay một gói quà. Một vị nói:

- Chúng tôi được vinh dự thay mặt cho Ủy ban nhân dân cách mạng Huế chuyển đến bà món quà của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi biểu bà.

Bà Huệ Minh ngỡ là mình nghe lầm, vội từ tạ:

- Thưa các quan, tôi không dám. Tôi không có vinh dự đó. Có lẽ Chủ tịch gửi quà tặng cho ai khác mà các quan đem lầm đến chỗ tôi đó thôi ạ.

- Bà là người được Hồ Chủ tịch gửi quà tặng đó ạ. Hồ Chủ tịch còn gửi quà cho một số người trong thành nội này nữa. Vì Hồ Chủ tịch đã ở thành nội một thời gian lúc Người còn nhỏ. Những ai mà Người quen biết từ lúc còn tuổi thiếu niên, nay Người còn nhớ hết, và nhờ hỏi tìm giúp.

... Bây giờ thì bà Công tôn nữ Huệ Minh nhớ ra rồi. Chủ tịch Hồ Chí Minh đúng là con cụ Phó bảng Nghệ mà 26 năm trước bà đã nghe ông anh họ nói là Nguyễn Ái Quốc, Người đã “cả gan” đến hội nghị Véc-xay đưa đơn yêu cầu đòi quyền lợi cho nhân dân Đông Dương. Đúng là cậu Nguyễn Sinh Công, em ông Cả Khiêm và cô Thanh, sút bà một vài tuổi. Cậu thường cùng đám bạn nhỏ ra chơi trước bến Phú Văn lâu, và gọi tên bến này là “bến Ngự Đồng” để đối với núi Ngự Bình... Bà sung sướng đến bàng hoàng...

Thế rồi chiến tranh trở lại, kéo dài, Pháp rồi Mỹ chiếm thành phố Huế... Thế rồi, năm 1969, bà được tin Bác Hồ mất...

Bà Huệ Minh đưa tấm ảnh Bác Hồ lồng chung một khung với tấm ảnh phong cảnh Huế trong có hình núi Ngự, treo lên chính gian giữa nhà, và đặt bát hương lên thờ Bác.

(Theo bài của SON TÙNG)

HOA ĐỎ, HOA VÀNG

Một buổi sáng tháng 6-1946, chiếc máy bay chở Chủ tịch Hồ Chí Minh hạ cánh xuống sân bay quốc tế Buóc-giê lộng lẫy cờ và biểu ngữ. Cửa mở, Chủ tịch trong bộ quần áo ka ki trắng và đôi dép cao su giản dị từ trên cầu thang vẫy chào quan khách Pari. Tiếng hoan hô vang dậy khắp sân bay.

Bác mỉm cười với bà con Việt kiều, rồi nhanh nhẹn tới bắt tay Bộ trưởng Bộ Hải ngoại Pháp, người thay mặt Chính phủ Pháp ra đón. Bác nhận ra bà Giannét Vécmet Trưc⁽¹⁾ đứng gần đó, tay ôm một bó hoa đỏ giữa có một chùm hoa vàng, tượng trưng màu cờ Việt Nam. Bỏ cả thủ tục lễ tân, Bác đến nhận bó hoa và ôm hôn bà Giannét. Cử chỉ tự nhiên đó lập tức phá tan những sự soi mói của một số người Pháp có mặt, và làm xôn xao dư luận báo chí Pháp.

... Lúc Hồ Chủ tịch đến ở tại gia đình ông bà Ôbrắc vùng ngoại ô, theo lời mời của chủ nhà, có ông già làm vườn thường cung cấp hoa cho bà chủ trang trí trong nhà. Một hôm, Bác đi cùng bà Ôbrắc đến

(1) Vợ ông Tô-rê (Thorez). Tô-rê lúc ấy là Tổng bí thư Đảng Cộng sản Pháp và là Phó Thủ tướng Chính phủ Pháp.

thăm ông già. Bác giải thích cho ông nghe ý nghĩa màu cờ Việt Nam: Đó là màu đỏ thắm của hoa đào miền Bắc và hoa mai vàng miền Nam.

Từ đó, mỗi buổi sáng, ông già mang đến những bó hoa thực được đỏ và vàng để biếu Bác trang trí phòng khách, phòng làm việc, và phòng ngủ, nhất định không chịu nhận tiền.

(Theo Hồi ký của GS. TRẦN HỮU TUỐC
và HUY CÂN)